

**LUẬT  
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ (SỬA ĐỔI)  
(LUẬT KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO)**

*Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013  
Quốc hội ban hành Luật Khoa học và Công nghệ (Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo).*

**Chương I  
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Luật này quy định về tổ chức, cá nhân *hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo*, việc thực hiện *hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo*; biện pháp bảo đảm phát triển *khoa học, công nghệ và thúc đẩy đổi mới sáng tạo*; quản lý nhà nước về *khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo*.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Luật này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân là người Việt Nam; tổ chức, cá nhân là người nước ngoài có liên quan đến hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tại Việt Nam hoặc ngoài lãnh thổ Việt Nam nhưng có quyền và nghĩa vụ theo pháp luật Việt Nam, các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

**Điều 3. Giải thích từ ngữ**

- Hoàn thiện các thuật ngữ đã được quy định trong Luật KH&CN năm 2013 để phù hợp với thông lệ quốc tế hoặc thực tiễn triển khai như: nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng, triển khai thực nghiệm, hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và ĐMST, ĐMST, tổ chức KH&CN, tổ chức thúc đẩy ĐMST, tổ chức nghiên cứu, phát triển

Ví dụ:

+ *Đổi mới sáng tạo* là hoạt động đổi mới quy trình, dịch vụ, sản phẩm dựa trên việc tạo ra, ứng dụng thành tựu, giải pháp kỹ thuật, công nghệ, giải pháp quản

lý để nâng cao hiệu quả phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng của sản phẩm, hàng hóa.

+ Tổ chức khoa học và công nghệ là tổ chức có chức năng chủ yếu là nghiên cứu khoa học, nghiên cứu triển khai và phát triển công nghệ, hoạt động dịch vụ khoa học và công nghệ, được thành lập và *cấp giấy chứng nhận tổ chức khoa học và công nghệ* theo quy định của Luật này.

+ Tổ chức nghiên cứu và phát triển là tổ chức hoạt động không có mục tiêu chính là tìm kiếm lợi nhuận, không rút vốn, không hưởng lợi tức; phần lợi nhuận tích lũy hằng năm thuộc sở hữu chung hợp nhất không phân chia để tiếp tục đầu tư phát triển tổ chức

+ Nhân lực hoạt động khoa học và công nghệ là người thực hiện hoạt động khoa học và công nghệ, bao gồm nhân lực hoạt động nghiên cứu và phát triển và quản lý, hỗ trợ hoạt động nghiên cứu và phát triển, dịch vụ khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo trong viện nghiên cứu, trường đại học, tổ chức khoa học và công nghệ, cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ, doanh nghiệp, nhân lực hoạt động khoa học và công nghệ độc lập, người Việt Nam ở nước ngoài và người nước ngoài hoạt động khoa học và công nghệ tại Việt Nam.

- Bổ sung các thuật ngữ mới như: Hệ thống ĐMST, hệ thống ĐMST quốc gia; hệ thống ĐMST vùng; hệ thống ĐMST doanh nghiệp; hoạt động ĐMST, dự án ĐMST, hoạt động ĐMST, khởi nghiệp sáng tạo, thị trường công nghệ và các khái niệm liên quan đến thị trường công nghệ

Ví dụ:

+ Hệ thống ĐMST là hệ thống liên kết giữa các chủ thể nghiên cứu (viện nghiên cứu, trường đại học) với doanh nghiệp thông qua các tổ chức trung gian để chuyển giao kết quả nghiên cứu vào sản xuất, tạo ra sản phẩm, hàng hóa có giá trị gia tăng trên thị trường.

+ Hệ thống ĐMST quốc gia là hệ thống liên kết giữa khu vực nghiên cứu (chủ thể là các trường đại học, viện nghiên cứu) với khu vực công nghiệp (các doanh nghiệp), trong đó Nhà nước đóng vai trò kiến tạo, kết nối, tạo môi trường chính sách, thể chế thúc đẩy quan hệ tương tác giữa khu vực hàn lâm và công nghiệp để tạo ra tri thức, truyền bá tri thức, ứng dụng tri thức và chuyển hóa tri thức thành các giá trị gia tăng phục vụ người dân và xã hội.

- Hoàn thiện quy định về kết quả nghiên cứu KH&CN theo hướng xác định:
- + Kết quả nghiên cứu cơ bản là các báo cáo khoa học, các bài báo;
- + Kết quả nghiên cứu ứng dụng là các mô hình, bằng sáng chế (chưa phải là sản phẩm để thương mại hóa được ngay).

## **Điều 4. Nhiệm vụ của hoạt động KH,CN&ĐMST**

### Kế thừa Điều 4 Luật KH&CN

1. Xây dựng lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của Việt Nam; xây dựng luận cứ khoa học cho việc định ra đường lối, chính sách, pháp luật về phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh; góp phần xây dựng nền giáo dục tiên tiến, xây dựng con người mới Việt Nam; kế thừa và phát huy giá trị truyền thống lịch sử, văn hoá dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại và đóng góp vào kho tàng văn hoá, khoa học của thế giới.

2. Nâng cao năng lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo để làm chủ công nghệ tiên tiến, công nghệ cao, phương pháp quản lý tiên tiến; sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường, bảo vệ sức khỏe con người; kịp thời dự báo, phòng, chống, hạn chế và khắc phục hậu quả thiên tai.

3. Bảo đảm phát triển các hoạt động nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng nhằm xây dựng và phát triển nền khoa học và công nghệ quốc gia hiện đại.

4. Tiếp thu thành tựu khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của thế giới để tạo ra, ứng dụng có hiệu quả công nghệ mới; tạo ra sản phẩm mới có sức cạnh tranh cao; phát triển nền khoa học và công nghệ Việt Nam đạt trình độ tiên tiến trong khu vực, tiếp cận với trình độ thế giới, làm cơ sở vững chắc cho việc phát triển các ngành công nghiệp hiện đại; đẩy mạnh việc phổ biến và ứng dụng thành tựu khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo vào sản xuất và đời sống.

## **Điều 5. Nguyên tắc hoạt động KH,CN&ĐMST**

### Kế thừa Điều 5 Luật KH&CN

1. Xuất phát từ nhu cầu thực tiễn, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

2. Xây dựng và phát huy năng lực nội sinh về khoa học và công nghệ kết hợp với việc tiếp thu có chọn lọc thành tựu khoa học và công nghệ của thế giới, phù hợp với thực tiễn Việt Nam.

3. Bảo đảm quyền tự do sáng tạo, phát huy dân chủ trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo vì sự phát triển của đất nước. Các tổ chức khoa học và công nghệ, trường đại học, cao đẳng, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp và cá nhân có quyền độc lập lựa chọn chủ đề, nghiên cứu các lĩnh vực khoa học mới, tham gia nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu công nghệ tiên tiến, công nghệ phục vụ lợi ích chung của xã hội.

4. Trung thực, khách quan, đề cao đạo đức nghề nghiệp, tự chủ, tự chịu trách nhiệm.

5. Bảo đảm an toàn tính mạng, sức khỏe con người, bảo vệ môi trường.
6. *Bảo đảm bình đẳng giới, hài hòa giữa các dân tộc.*
7. *Chấp nhận rủi ro và độ trễ trong nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ*

**Điều 6. Chính sách của Nhà nước về phát triển khoa học, công nghệ và thúc đẩy đổi mới sáng tạo**

Kế thừa Điều 6 Luật KH&CN

Nhà nước thực hiện các chính sách sau đây nhằm bảo đảm phát triển khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu:

1. Ưu tiên và tập trung mọi nguồn lực quốc gia cho phát triển khoa học và công nghệ; áp dụng đồng bộ cơ chế, biện pháp khuyến khích, ưu đãi nhằm phát huy vai trò then chốt và động lực của khoa học và công nghệ trong phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường và nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân.
2. Phát triển đồng bộ các lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn, khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật và công nghệ; gắn nhiệm vụ phát triển khoa học và công nghệ với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh; tạo tiền đề hình thành và phát triển kinh tế tri thức.
3. Đẩy mạnh việc nghiên cứu ứng dụng thành tựu khoa học và công nghệ tiên tiến và hiện đại, nghiên cứu làm chủ và tạo ra công nghệ mới nhằm đổi mới, nâng cao trình độ công nghệ và năng lực cạnh tranh của sản phẩm.
4. Tập trung đầu tư xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật, chú trọng lĩnh vực khoa học và công nghệ ưu tiên, trọng điểm quốc gia; áp dụng cơ chế, chính sách ưu đãi đặc biệt để phát triển, đào tạo, thu hút, sử dụng có hiệu quả nhân lực khoa học và công nghệ.
5. Tạo điều kiện phát triển *thị trường công nghệ*.
6. Khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ, đổi mới, nâng cao trình độ công nghệ.
7. Khuyến khích, tạo điều kiện để hội khoa học và kỹ thuật, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp tham gia tư vấn, phản biện, giám định xã hội và hoạt động khoa học và công nghệ.
8. Chủ động, tích cực hội nhập quốc tế về khoa học và công nghệ; nâng cao vị thế quốc gia về khoa học và công nghệ trong khu vực và thế giới.

*9. Phát triển lực lượng KH&CN chiến lược, đặc biệt chú trọng phát triển các phòng thí nghiệm quốc gia, cơ quan nghiên cứu, phát triển KH&CN quốc gia, trường đại học, cao đẳng chất lượng cao theo định hướng nghiên cứu, doanh nghiệp KH&CN hàng đầu; phát huy vai trò dẫn dắt, nâng đỡ của những đối tượng này trong những lĩnh vực then chốt, những định hướng trọng điểm.*

#### **Điều 7. Kết quả của hoạt động KH,CN&ĐMST**

Xác định các sản phẩm, đầu ra của hoạt động KH,CN&ĐMST

#### **Điều 8. Ngày khoa học và công nghệ Việt Nam**

Kế thừa Điều 7 Luật KH&CN

Ngày 18 tháng 5 hàng năm là Ngày khoa học và công nghệ Việt Nam.

*Các cơ quan nhà nước, tổ chức khoa học và công nghệ, trường đại học, doanh nghiệp, hiệp hội tổ chức các hoạt động chào mừng Ngày khoa học và công nghệ Việt Nam, tôn vinh các tổ chức, cá nhân hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.*

#### **Điều 9. Các hành vi bị cấm**

Kế thừa Điều 8 Luật KH&CN

Bổ sung quy định về lĩnh vực bị cấm hoặc hạn chế nghiên cứu và phát triển.

1. Lợi dụng hoạt động khoa học và công nghệ để xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân; gây thiệt hại đến tài nguyên, môi trường, sức khỏe con người; trái với đạo đức, thuần phong mỹ tục của dân tộc.

2. Xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ; chiếm đoạt, chuyển nhượng, chuyển giao bất hợp pháp kết quả khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

3. Tiết lộ tài liệu, kết quả khoa học và công nghệ thuộc danh mục bí mật nhà nước; bịa đặt, lừa dối, giả mạo trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; công bố thông tin, bài báo không chính xác, tham gia vào mua bán và viết các bài báo khoa học sai sự thật.

4. Cản trở hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

#### **Điều 10. Rủi ro, độ trễ trong nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ**

Quy định nguyên tắc về chấp nhận rủi ro, độ trễ trong nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ

## **Điều 11. Đạo đức nghiên cứu, liêm chính trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo**

- Quy định chung về nguyên tắc chung về đạo đức nghiên cứu, liêm chính trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (*Các khuyến nghị về đạo đức trong nghiên cứu trí tuệ nhân tạo (khuyến nghị của UNESCO)*)

- Xử lý đối với trường hợp vi phạm về đạo đức nghiên cứu, liêm chính học thuật

(*Các nghiên cứu trong các lĩnh vực: y tế, công nghệ sinh học, công nghệ có liên quan đến con người phải được hội đồng đạo đức thông qua.*

*Các trường đại học, viện nghiên cứu.. tự ban hành quy định về liêm chính trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo)*

## **Điều 12. Thủ nghiệm chính sách**

Bổ sung nguyên tắc cho phép các tổ chức, doanh nghiệp, dưới sự giám sát của cơ quan quản lý, được phép thử nghiệm các sản phẩm, dịch vụ và mô hình kinh doanh mới trong thời gian và không gian nhất định và theo trình tự, thủ tục quy định tại các luật chuyên ngành.

## **Chương II.**

### **TỔ CHỨC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VÀ TỔ CHỨC THÚC ĐẨY ĐỔI MỚI SÁNG TẠO**

#### **Mục 1: Tổ chức khoa học và công nghệ và tổ chức thúc đẩy đổi mới sáng tạo**

##### **Điều 13. Phân loại tổ chức khoa học và công nghệ**

1. Tổ chức khoa học và công nghệ được phân loại như sau:

a) Theo thẩm quyền thành lập, tổ chức khoa học và công nghệ gồm các loại quy định tại khoản 1 Điều 16 của Luật này;

b) Theo chức năng, tổ chức khoa học và công nghệ gồm tổ chức nghiên cứu và phát triển, tổ chức dịch vụ khoa học và công nghệ;

c) Theo hình thức sở hữu, tổ chức khoa học và công nghệ gồm tổ chức khoa học và công nghệ công lập, tổ chức khoa học và công nghệ ngoài công lập, tổ chức khoa học và công nghệ có vốn nước ngoài.

2. Tổ chức không phải là tổ chức KH&CN thì không được sử dụng các cụm từ sau trong tên:

- a) Viện nghiên cứu
- b) Trung tâm nghiên cứu
- c) Viện khoa học

**Điều 14. Quy hoạch mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ công lập**

Kế thừa quy định tại Điều 10 Luật KH&CN năm 2013

1. Quy hoạch mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ công lập là quy hoạch ngành quốc gia.

2. Việc lập quy hoạch mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ công lập phải tuân thủ quy định của pháp luật về quy hoạch và các nguyên tắc sau đây:

a) Xây dựng quy hoạch mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ công lập thống nhất, đồng bộ và phân bố hợp lý, phù hợp với yêu cầu phát triển khoa học và công nghệ;

b) Gắn kết tổ chức khoa học và công nghệ với cơ sở đào tạo và tổ chức ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; (xem xét lại khái niệm này) (gắn kết với hệ thống ĐMST QG, hệ thống ĐMST vùng);

c) Bảo đảm thực hiện mục tiêu nâng cao năng lực khoa học và công nghệ quốc gia, chú trọng những lĩnh vực khoa học và công nghệ phục vụ trực tiếp nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, phát triển bền vững;

d) Bảo đảm sử dụng hiệu quả nguồn lực của Nhà nước, đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư cho phát triển khoa học và công nghệ, đặc biệt trong lĩnh vực khoa học và công nghệ ưu tiên, trọng điểm.

3. Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức lập quy hoạch mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ công lập trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo quy định của pháp luật về quy hoạch

**Điều 15. Cơ chế tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập**

1. Nhà nước giao quyền tự chủ cho tổ chức khoa học và công nghệ công lập trong xây dựng cơ cấu tổ chức, (phê duyệt mức độ tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ trực thuộc), tuyển dụng, tài chính, sử dụng nhân lực, sử dụng kinh phí, thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ và hợp tác quốc tế.

2. Tổ chức khoa học và công nghệ công lập được giao kinh phí dựa trên năng lực, kết quả đánh giá định kỳ và hiệu quả hoạt động, gắn với thực hiện phương thức Nhà nước đặt hàng, đấu thầu.

3. Chính phủ quy định chi tiết về cơ chế tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập quy định tại Điều này.

## **Điều 16. Điều kiện đăng ký tổ chức khoa học và công nghệ**

- Kế thừa quy định tại Điều 11 Luật KH&CN năm 2013
  - Bổ sung quy định phân chia việc thành lập, đăng ký tổ chức khoa học và công nghệ theo chức năng, hình thức sở hữu công lập, ngoài công lập (quy định tại khoản 1 Điều 15)
  - Bổ sung quy định các lĩnh vực cấm thành lập, đăng ký tổ chức KH&CN
1. Việc thành lập, đăng ký tổ chức khoa học và công nghệ
- Tổ chức nghiên cứu và phát triển được thành lập và đăng ký theo quy định của Luật này.
  - Cơ sở giáo dục được thành lập theo Luật Giáo dục khi đáp ứng các yêu cầu và có nhu cầu thì đăng ký là tổ chức nghiên cứu và phát triển theo quy định của Luật này.
  - Tổ chức dịch vụ khoa học và công nghệ công lập được thành lập và đăng ký theo quy định của Luật này.
  - Doanh nghiệp thành lập theo Luật Doanh nghiệp khi đáp ứng các yêu cầu và có nhu cầu thì đăng ký là tổ chức dịch vụ khoa học và công nghệ theo quy định của Luật này.
2. Tổ chức khoa học và công nghệ được thành lập khi có đủ điều kiện sau đây:
- a) Có điều lệ tổ chức và hoạt động, mục tiêu, phương hướng hoạt động phù hợp với quy định của pháp luật;
  - b) Nhân lực khoa học và công nghệ, cơ sở vật chất - kỹ thuật đáp ứng yêu cầu thực hiện mục tiêu, phương hướng và điều lệ tổ chức và hoạt động.
3. Tổ chức, cá nhân sau đây không có quyền thành lập và quản lý tổ chức khoa học và công nghệ tại Việt Nam:
- a) Người chưa thành niên; người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự; người bị mất năng lực hành vi dân sự; người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi; tổ chức không có tư cách pháp nhân;
  - b) Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc hoặc đang bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định; các trường hợp khác theo quy định của Luật Phá sản, Luật Phòng, chống tham nhũng.

4. Tổ chức, cá nhân có quyền góp vốn, vào tổ chức KH&CN theo quy định của Luật này, trừ trường hợp sau đây:

a) Cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân sử dụng tài sản nhà nước góp vốn vào doanh nghiệp để thu lợi riêng cho cơ quan, đơn vị mình;

b) Đối tượng không được góp vốn vào doanh nghiệp theo quy định của Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức, Luật Phòng, chống tham nhũng.

5. Ngoài các quy định tại khoản 1 Điều này, việc thành lập tổ chức khoa học và công nghệ công lập phải phù hợp với quy hoạch mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ công lập và ý kiến thẩm định của cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ theo phân cấp của Chính phủ.

6. Việc thành lập tổ chức khoa học và công nghệ có vốn nước ngoài phải tuân thủ các quy định tại khoản 1 Điều này và đáp ứng các yêu cầu sau đây:

a) Mục đích, nội dung, lĩnh vực hoạt động phù hợp với quy định của pháp luật, yêu cầu phát triển khoa học và công nghệ và phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam;

b) Được Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ cho phép thành lập;

c) Được Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) cho phép đặt trụ sở làm việc tại địa phương.

7. Chính phủ quy định cụ thể điều kiện thành lập, thẩm quyền, trình tự, thủ tục đăng ký tổ chức khoa học và công nghệ.

#### **Điều 17. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục thành lập, sáp nhập, chia, tách, giải thể tổ chức khoa học và công nghệ**

1. Thẩm quyền thành lập tổ chức khoa học và công nghệ được quy định như sau:

a) Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội thành lập tổ chức khoa học và công nghệ thuộc Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội;

b) Chính phủ thành lập tổ chức khoa học và công nghệ thuộc Chính phủ;

c) Toà án nhân dân tối cao thành lập tổ chức khoa học và công nghệ thuộc Tòa án nhân dân tối cao;

d) Viện Kiểm sát nhân dân tối cao thành lập tổ chức khoa học và công nghệ thuộc Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;

d) Thủ tướng Chính phủ thành lập hoặc ủy quyền cho Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ thành lập tổ chức khoa học và công nghệ thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;

e) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ thành lập tổ chức khoa học và công nghệ thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, trừ trường hợp quy định tại điểm đ khoản này;

g) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập tổ chức khoa học và công nghệ của địa phương theo thẩm quyền;

h) Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội;

i) Tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp thành lập tổ chức khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật và điều lệ;

k) Doanh nghiệp, tổ chức khác, cá nhân hoặc *nhóm các cá nhân* thành lập tổ chức khoa học và công nghệ của mình.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân thành lập tổ chức khoa học và công nghệ có quyền quyết định việc sáp nhập, chia, tách, giải thể tổ chức khoa học và công nghệ phù hợp với quy định của pháp luật; quy định chức năng, nhiệm vụ của tổ chức khoa học và công nghệ do mình thành lập phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Chính phủ quy định cụ thể trình tự, thủ tục thành lập, sáp nhập, chia, tách, giải thể tổ chức khoa học và công nghệ.

### **Điều 18. Quyền của tổ chức khoa học và công nghệ**

- Sửa đổi theo hướng: Chỉ ghi những quyền riêng có của tổ chức KHCN, không ghi những quyền mà tổ chức khác cũng có

- Bổ sung quyền được miễn trách nhiệm dân sự trong trường hợp xảy ra thiệt hại, rủi ro gây ra cho Nhà nước trong quá trình thực hiện nhiệm vụ KH&CN do nguyên nhân khách quan, mặc dù đã thực hiện đầy đủ quy trình, quy định về nghiên cứu khoa học.

- Bổ sung quyền không phải hoàn trả NSNN kinh phí đã sử dụng đúng quy định nếu tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm đề tài đã thực hiện đầy đủ các nội dung theo thuyết minh nghiên cứu và theo quy trình nghiên cứu mà không đi đến kết quả cuối cùng.

- Bổ sung quyền tổ chức KH&CN công lập được cử cá nhân trong tổ chức KH&CN tham gia điều hành doanh nghiệp được tổ chức đó thành lập từ kết quả nghiên cứu và phát triển, được cử sang làm việc định kỳ tại doanh nghiệp để nắm bắt nhu cầu của doanh nghiệp

### **Điều 19. Nghĩa vụ của tổ chức khoa học và công nghệ**

1. Đăng ký tổ chức khoa học và công nghệ; thực hiện hoạt động khoa học và công nghệ theo đúng lĩnh vực đã được quy định trong *giấy chứng nhận tổ chức khoa học và công nghệ*.
2. Thực hiện hợp đồng khoa học và công nghệ đã ký kết, nhiệm vụ khoa học và công nghệ do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giao.
3. Thực hiện dân chủ, bình đẳng, công khai trong việc sử dụng kinh phí và thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.
4. Bảo đảm kinh phí cho hoạt động nghiên cứu khoa học cơ bản thường xuyên theo chức năng của mình; sử dụng kinh phí đầu tư cho khoa học và công nghệ đúng pháp luật.
5. Đăng ký, lưu giữ và chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước.
6. Tự đánh giá và thực hiện *chế độ báo cáo định kỳ về nhân lực, tài chính, hoạt động với cơ quan quản lý trực tiếp/tổ chức, cá nhân thành lập; chế độ báo cáo, thống kê về khoa học và công nghệ*.
7. Bảo vệ lợi ích của Nhà nước và xã hội, quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ trong tổ chức mình; giữ bí mật nhà nước về khoa học và công nghệ.
8. *Thể hiện chính xác tên cơ quan quản lý trực tiếp/cơ quan thành lập trên giấy tờ giao dịch, biển hiệu.*
9. *Thực hiện trách nhiệm phổ biến tri thức.*
10. *Ban hành các quy định nội bộ về đạo đức trong nghiên cứu khoa học và kiểm chính khoa học và bảo đảm các quy định này được thực hiện nghiêm chỉnh trong tổ chức.*

### **Điều 20. Trách nhiệm tổ chức KH&CN của cơ quan, tổ chức thành lập tổ chức KH&CN**

1. *Kiểm tra hoạt động của tổ chức tổ chức khoa học và công nghệ để bảo đảm tuân thủ tiêu chí và mục tiêu thành lập.*
2. *Đánh giá hiệu quả hoạt động đối với tổ chức khoa học và công nghệ công lập để làm căn cứ hỗ trợ kinh phí, điều chỉnh hoạt động, đình chỉ hoặc chấm dứt hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ.*
3. *Báo cáo về hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ và chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức khoa học và công nghệ ở trong nước và nước*

*ngoài định kỳ hoặc khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước quản lý nhà nước về KH&CN.*

**Điều 21. Văn phòng đại diện, chi nhánh tại Việt Nam của tổ chức khoa học và công nghệ nước ngoài**

Kế thừa quy định tại Điều 15 Luật KH&CN

1. Tổ chức khoa học và công nghệ nước ngoài được thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh tại Việt Nam để hoạt động khoa học và công nghệ, hoạt động liên quan trực tiếp đến hoạt động khoa học và công nghệ theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Việc thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh tại Việt Nam của tổ chức khoa học và công nghệ nước ngoài phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

- a) Là tổ chức khoa học và công nghệ hợp pháp của tổ chức quốc tế, quốc gia, vùng lãnh thổ nơi tổ chức đó thành lập hoặc đăng ký hoạt động;
- b) Đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 3 Điều 11 của Luật này;
- c) Hoạt động trong lĩnh vực khoa học và công nghệ mà Việt Nam có nhu cầu;
- d) Cam kết chấp hành nghiêm chỉnh quy định pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

3. Giấy phép thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh tại Việt Nam của tổ chức khoa học và công nghệ nước ngoài do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ cấp và có thời hạn không quá 05 năm nhưng không vượt quá thời hạn còn lại của giấy đăng ký hoạt động hoặc giấy tờ có giá trị tương đương của tổ chức khoa học và công nghệ nước ngoài trong trường hợp pháp luật quốc gia đó có quy định thời hạn giấy đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ nước ngoài.

4. Văn phòng đại diện, chi nhánh tại Việt Nam của tổ chức khoa học và công nghệ nước ngoài được thực hiện hoạt động khoa học và công nghệ ghi trong giấy phép thành lập và có quyền, nghĩa vụ theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

5. Chính phủ quy định cụ thể về điều kiện, trình tự và thủ tục thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh tại Việt Nam của tổ chức khoa học và công nghệ nước ngoài.

**Điều 22. Văn phòng đại diện, chi nhánh tại nước ngoài của tổ chức khoa học và công nghệ Việt Nam**

1. Tổ chức khoa học và công nghệ có quyền thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh ở nước ngoài.

2. Việc thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ ở nước ngoài thực hiện theo quy định của pháp luật nước đó.

3. Phạm vi hoạt động của văn phòng đại diện, chi nhánh phải đúng với phạm vi hoạt động khoa học và công nghệ của tổ chức khoa học và công nghệ tại Việt Nam.

4. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày chính thức lập văn phòng đại diện, chi nhánh ở nước ngoài, tổ chức khoa học và công nghệ có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho cơ quan, tổ chức, cá nhân thành lập hoặc cấp giấy chứng nhận tổ chức khoa học và công nghệ kèm theo bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc giấy tờ tương đương.

#### **Điều 23. Cơ sở giáo dục**

1. Hoạt động khoa học và công nghệ là một nhiệm vụ của cơ sở giáo dục.

2. Cơ sở giáo dục tự triển khai hoặc phối hợp với tổ chức khoa học và công nghệ, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong việc đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

3. Nhà nước tạo điều kiện cho cơ sở giáo dục hoạt động khoa học và công nghệ, kết hợp đào tạo với nghiên cứu khoa học và sản xuất nhằm nâng cao chất lượng giáo dục; xây dựng cơ sở giáo dục thành trung tâm khoa học và công nghệ của địa phương hoặc của cả nước.

4. Nhà nước có chính sách ưu tiên phát triển hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục. Các chủ trương, chính sách về giáo dục phải được xây dựng trên cơ sở kết quả nghiên cứu khoa học phù hợp với thực tiễn Việt Nam và xu hướng quốc tế.

#### **Điều 24. Cơ sở giáo dục đại học**

1. Cơ sở giáo dục đại học là cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, thực hiện chức năng đào tạo các trình độ của giáo dục đại học, hoạt động khoa học và công nghệ, phục vụ cộng đồng, được thành lập theo quy định của Luật Giáo dục đại học.

2. Cơ sở giáo dục đại học có mục tiêu nghiên cứu khoa học, công nghệ tạo ra tri thức, sản phẩm mới, phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế.

3. Nhà nước có chính sách thúc đẩy nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo trong cơ sở giáo dục đại học; đẩy mạnh hợp tác giữa cơ sở giáo dục đại học với doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ; có chính sách ưu đãi về thuế cho các sản phẩm khoa học và công nghệ của cơ sở giáo dục

*đại học; cấp học bổng nghiên cứu cho nghiên cứu sinh sau tiến sĩ tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ từ ngân sách nhà nước dành cho khoa học và công nghệ.*

### **Điều 25. Tổ chức dịch vụ KH&CN**

Quy định cơ chế đặc thù của tổ chức dịch vụ KH&CN

#### **Mục 2: Đánh giá tổ chức KH&CN**

##### **Điều 26. Quy định chung về đánh giá tổ chức KH&CN**

- Nguyên tắc của hoạt động đánh giá: công khai, khách quan, độc lập
- Đối tượng chịu sự đánh giá: tổ chức KH&CN
- Trách nhiệm quản lý nhà nước: Quy định trách nhiệm quản lý, đánh giá của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan trung ương, ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do mình thành lập.
- Tiêu chí đánh giá: chiến lược phát triển tổ chức; hoạt động và đầu ra nghiên cứu khoa học; hoạt động và đầu ra công nghệ; hoạt động dịch vụ khoa học và công nghệ; giảng dạy và đào tạo; quản lý nguồn nhân lực và tổ chức; trang thiết bị và cơ sở hạ tầng; nguồn kinh phí dành cho nghiên cứu; hợp tác và hợp tác quốc tế.
- Phương pháp, hình thức đánh giá
- Tổ chức/đơn vị tiến hành hoạt động đánh giá; các tổ chức đánh giá độc lập trong nước và quốc tế; các đơn vị đánh giá do các Bộ, ngành, địa phương thành lập hoặc chỉ định; chuyên gia đánh giá

##### **Điều 27. Mục đích đánh giá tổ chức khoa học và công nghệ**

- Cung cấp cho các tổ chức khoa học và công nghệ biết kết quả hoạt động của họ, khả năng cạnh tranh của họ so với tiêu chuẩn quốc tế và cả điểm mạnh cũng như điểm yếu, từ đó xác định tiềm năng để cải thiện các chiến lược và phương thức tổ chức hoạt động khoa học và công nghệ của họ.
- Cung cấp thông tin về việc thực hiện và kết quả hoạt động của các tổ chức khoa học và công nghệ nhằm hỗ trợ các cơ quan quản lý nhà nước xác định những tổ chức có kết quả hoạt động tốt nhất để ưu tiên đầu tư như: tuyển chọn, xét chọn tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ, cho vay, tài trợ, bảo lãnh vốn vay của các quỹ trong lĩnh vực khoa học và công nghệ;
- Cung cấp thông tin cho việc hoạch định chính sách phát triển khoa học và công nghệ, quy hoạch hệ thống tổ chức khoa học và công nghệ.

### **Điều 28. Tổ chức đánh giá độc lập**

- Tổ chức có tư cách pháp nhân, cá nhân đủ điều kiện thực hiện đánh giá được thực hiện đánh giá tổ chức khoa học và công nghệ theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan. (cân nhắc nội dung này vì đây là bổ sung điều kiện kinh doanh, đồng thời, việc đánh giá ngoài công lập mang tính khuyến khích, không áp đặt).

- Việc đánh giá tổ chức khoa học và công nghệ phải tuân theo nguyên tắc, tiêu chí quy định tại Luật này.

- Tổ chức, cá nhân thực hiện đánh giá phải chịu trách nhiệm về kết quả đánh giá của mình.

### **Điều 29. Chuyên gia đánh giá**

- Cá nhân là chuyên gia am hiểu lĩnh vực đánh giá.

- Có kinh nghiệm đánh giá tổ chức khoa học và công nghệ.

- Cam kết về sự khách quan, trung thực khi đánh giá.

- Chịu trách nhiệm về kết quả đánh giá của mình.

### **Điều 30. Cung cấp thông tin, dữ liệu để đánh giá**

Các bộ ngành hợp tác cung cấp thông tin, dữ liệu để đánh giá

### **Điều 31. Kết quả đánh giá**

- Quy định về việc sử dụng kết quả đánh giá; công bố, tiếp cận kết quả đánh giá

- Quy định việc đánh giá tổ chức KH&CN công lập là căn cứ để cấp kinh phí hoạt động.

### **Điều 32. Kinh phí đánh giá**

Nguồn ngân sách nhà nước, nguồn vốn khác

## **Chương III**

### **NHÂN LỰC TRONG LĨNH VỰC KH,CN&ĐMST**

#### **Điều 33. Nhân lực hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo**

*1. Nhân lực hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo bao gồm:*

*a) Cá nhân hoạt động nghiên cứu và phát triển, hỗ trợ nghiên cứu và phát triển trong viện nghiên cứu, trường đại học, nghiên cứu sinh sau tiến sĩ tham gia hoạt động nghiên cứu và phát triển;*

b) Cá nhân quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc chính phủ, cơ quan trung ương, ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan chuyên môn trực thuộc ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện;

c) Cá nhân hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp;

d) Cá nhân hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo độc lập hoặc trong các tổ chức khác;

đ) Cá nhân là người Việt Nam ở nước ngoài và người nước ngoài hoạt động KH&CN ở Việt Nam.

#### **Điều 34. Chính sách của nhà nước đối với nhân lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo**

Kế thừa Điều 26 của Luật KH&CN

1. Cá nhân hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ trong viện nghiên cứu, trường đại học được bố trí theo chức danh gắn với năng lực, trình độ nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ theo quy định của pháp luật về viên chức.

2. Cá nhân hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ ở khu vực doanh nghiệp hoặc người Việt Nam ở nước ngoài có thành tích xuất sắc được tính thời gian công tác để sắp xếp vào vị trí công việc, chức danh khoa học, chức danh công nghệ tương đương với công việc được tuyển dụng mà không phải qua thi tuyển.

3. Người có học vị tiến sĩ hoặc có công trình nghiên cứu khoa học và công nghệ xuất sắc hoặc được giải thưởng cao về khoa học và công nghệ được xét công nhận, bổ nhiệm vào chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ cao hơn không phụ thuộc vào năm công tác.

4. Nghiên cứu sinh sau tiến sĩ khi tham gia các đề tài nghiên cứu được cấp học bổng nghiên cứu từ ngân sách nhà nước dành cho đề tài nghiên cứu đó.

5. Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ, bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan quy định hệ thống danh mục, tiêu chuẩn và mã số chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ.

#### **Điều 35. Quyền của cá nhân hoạt động khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo**

1. Tự do sáng tạo, bình đẳng trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

2. Tự mình hoặc hợp tác với tổ chức, cá nhân khác để hoạt động khoa học, công nghệ hoặc đổi mới sáng tạo, ký kết hợp đồng nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và thực hiện dự án đổi mới sáng tạo.

3. Được cử đi đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực quản lý.

4. Được hỗ trợ sử dụng phòng thí nghiệm được đầu tư từ ngân sách nhà nước để hoàn thiện kết quả nghiên cứu.

5. Thành lập doanh nghiệp khoa học và công nghệ, tổ chức khoa học và công nghệ trong một số lĩnh vực theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

6. Cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ trong tổ chức khoa học và công nghệ công lập được tham gia thành lập và điều hành doanh nghiệp để thương mại hóa kết quả nghiên cứu do tổ chức khoa học và công nghệ mà mình là thành viên tạo ra. Định kỳ được cử sang làm việc ở doanh nghiệp trong một thời gian nhất định để nắm bắt như cầu về công nghệ của doanh nghiệp. Trong thời gian tham gia doanh nghiệp theo quy định tại khoản này, được giữ nguyên chế độ lương, quy hoạch, bổ nhiệm, thi đua khen thưởng tại tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

7. Đăng ký tham gia tuyển chọn hoặc được giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ. (bỏ quy định này vì chưa triển khai trong thực tiễn).

8. Được tư vấn, hỗ trợ hoàn thiện kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, hỗ trợ về đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ; hỗ trợ xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật cho các sản phẩm là kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ. Được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ; chuyển giao, chuyển nhượng kết quả hoạt động khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ.

9. Công bố kết quả hoạt động khoa học và công nghệ theo quy định của Luật báo chí, Luật xuất bản và quy định khác của pháp luật.

10. Được miễn trách nhiệm dân sự trong trường hợp xảy ra thiệt hại, rủi ro gây ra cho Nhà nước trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ do nguyên nhân khách quan, mặc dù đã thực hiện đầy đủ quy trình, quy định về nghiên cứu khoa học.

11. Công bố kết quả hoạt động khoa học và công nghệ theo quy định của Luật báo chí, Luật xuất bản và quy định khác của pháp luật.

12. Góp vốn bằng tiền, tài sản, giá trị quyền sở hữu trí tuệ để hoạt động khoa học và công nghệ, sản xuất, kinh doanh; nhận tài trợ để hoạt động khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật.

14. Tư vấn, đề xuất ý kiến xây dựng chính sách, pháp luật, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của Nhà nước với cơ quan có thẩm quyền, kế hoạch phát triển khoa học và công nghệ của tổ chức khoa học và công nghệ mà mình là thành viên và tham gia giám sát việc thực hiện.

15. Tham gia tổ chức khoa học và công nghệ, hội, hiệp hội khoa học và công nghệ; tham gia hoạt động đào tạo, tư vấn, hội nghị, hội thảo khoa học và công nghệ; tham gia hoạt động hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ.

16. Được xét công nhận, bổ nhiệm vào chức danh quy định tại Điều 26 của Luật này.

17. Được khen thưởng, hưởng quyền ưu đãi, hỗ trợ theo quy định của pháp luật.

### **Điều 36. Nghĩa vụ của cá nhân hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo**

1. Đóng góp trí tuệ, tài năng vào sự nghiệp phát triển khoa học và công nghệ, phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

2. Thực hiện hợp đồng khoa học và công nghệ đã ký kết; *thực hiện các dự án hỗ trợ đổi mới sáng tạo đã ký kết, cam kết.*

3. Thực hiện đề tài nghiên cứu và phát triển, dự án đổi mới sáng tạo do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giao.

4. Đăng ký, lưu giữ và giao kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước.

5. *Chấp hành các quy định của tổ chức khoa học và công nghệ công lập, thực hiện chế độ báo cáo định kỳ trong thời gian được cử sang làm việc tại doanh nghiệp.*

6. Giữ bí mật nhà nước về khoa học và công nghệ, bảo vệ lợi ích của Nhà nước và xã hội.

### **Điều 37. Nhân lực trong hệ thống quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo**

Nhà nước bảo đảm nguồn lực để định kỳ đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng kiến thức mới về quản trị KH,CN&ĐMST trong nước và ở nước ngoài; đào tạo về công nghệ thông tin và ngoại ngữ; tham gia giao lưu, trao đổi, học hỏi kinh nghiệm với các đồng nghiệp làm quản lý KH,CN&ĐMST ở các nước tiên tiến; được đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng cán bộ để cập nhật thông tin, kiến thức quản lý KH&CN.

### **Điều 38. Nhân lực trong các tổ chức khoa học và công nghệ**

- Quy định chức danh trong các tổ chức công lập (theo hướng vị trí việc làm). Giao Chính phủ quy định cụ thể thủ tục, quy trình xét công nhận, bổ nhiệm chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ.

- Bổ sung quy định được cử cá nhân từ viện nghiên cứu sang làm việc ở doanh nghiệp nhưng vẫn giữ nguyên lương, vẫn được đưa vào quy hoạch, bổ nhiệm, được bảo đảm chế độ về thi đua, khen thưởng. Được cử sang làm việc định kỳ ở doanh nghiệp để nắm bắt nhu cầu của doanh nghiệp và định hướng nghiên cứu; giới thiệu kết quả nghiên cứu cho doanh nghiệp; giúp doanh nghiệp đào tạo kỹ năng nghiên cứu cho kỹ sư, kỹ thuật viên trong doanh nghiệp.

- Sửa đổi, bổ sung các quy định để tạo điều kiện để học tập nâng cao trình độ; giao lưu học thuật; tham gia các nhóm nghiên cứu mạnh ở trong và ngoài nước. Được đánh giá đúng năng lực, xếp đúng vị trí việc làm

### **Điều 39. Nhân lực hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp**

- Quy định về việc đào tạo về kiến thức về công nghệ, quản lý công nghệ, quản trị công nghệ, cập nhật công nghệ mới: hỗ trợ hoàn thiện ý tưởng, hoàn thiện sản phẩm, khai thác, cập nhật các công nghệ mới, hỗ trợ đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ với các kết quả nghiên cứu; hỗ trợ xây dựng tiêu chuẩn cho sản phẩm mới. Đối với nghiên cứu sinh tiến sĩ và học viên cao học: bổ sung học bổng nghiên cứu từ kinh phí thực hiện đề tài nghiên cứu phát triển.

### **Điều 40. Nhân lực hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong trường đại học**

- Bổ sung quy định về đào tạo bồi dưỡng phù hợp với đối tượng: chính sách luân chuyển ngắn hạn giữa các tổ chức (công lập); vị trí trợ lý nghiên cứu, giảng dạy cho nghiên cứu sinh, học viên cao học; vị trí nghiên cứu sau tiến sỹ

- Chương trình học bổng tiến sỹ từ nguồn kinh phí KH&CN (luận án tiến sỹ; thạc sỹ nghiên cứu là kết quả nghiên cứu khoa học).

- Sửa đổi, bổ sung các quy định để tạo điều kiện để học tập nâng cao trình độ; giao lưu học thuật; tham gia các nhóm nghiên cứu mạnh ở trong và ngoài nước. Trong từng chương trình, đề tài cần có nhân lực hỗ trợ nghiên cứu thực sự chuyên nghiệp để giúp các nhà nghiên cứu chuẩn bị các hồ sơ, giấy tờ, kiểm soát tài chính, chi tiêu...

- Bổ sung quy định cử cán bộ nghiên cứu từ viện nghiên cứu, trường đại học định kỳ được cử sang làm việc ở doanh nghiệp. Trong thời gian làm việc ở doanh nghiệp, được giữ nguyên lương, được đưa vào quy hoạch, bổ nhiệm, được

bảo đảm chế độ về thi đua, khen thưởng để tạo sự yên tâm trong công việc. Chính sách sẽ giúp cho cán bộ nghiên cứu từ khu vực viện, trường gắn kết hơn với hoạt động thực tiễn, hiểu được nhu cầu của doanh nghiệp, phục vụ cho xác định hướng nghiên cứu. Đồng thời, cán bộ nghiên cứu sẽ có cơ hội giới thiệu kết quả nghiên cứu cho doanh nghiệp; giúp doanh nghiệp đào tạo kỹ năng nghiên cứu, chuyển giao kiến thức về công nghệ cho kỹ sư, kỹ thuật viên trong doanh nghiệp.

**Điều 41. Nhân lực hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo độc lập và trong các tổ chức khác**

Quy định trong việc hỗ trợ, kết nối, hoàn thiện sản phẩm; đào tạo, nâng cao năng lực đối với các cá nhân hoạt động KH&CN độc lập

**Điều 42. Nhân lực hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo là người Việt ở nước ngoài, người nước ngoài ở Việt Nam**

Quy định thu hút, ưu đãi, trọng dụng người Việt Nam ở nước ngoài, chuyên gia nước ngoài ở Việt Nam

#### **Chương IV**

#### **TÀI CHÍNH KH,CN&ĐMST**

**Điều 43. Ngân sách nhà nước cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo**

Kế thừa Điều 49 của Luật KH&CN:

"1. Nhà nước bảo đảm chi cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trung bình theo giai đoạn 5 năm tương ứng với giai đoạn kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm từ 2% trở lên trong tổng chi ngân sách nhà nước và tăng dần theo yêu cầu phát triển của sự nghiệp khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

2. Ngân sách cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phải được ghi thành một mục chi riêng trong mục lục ngân sách nhà nước hằng năm của bộ, ngành, địa phương.

3. Việc phân bổ ngân sách nhà nước cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của năm sau được thực hiện trên cơ sở nhu cầu của thực tiễn và kết quả sử dụng ngân sách đã được phân bổ."

**Điều 44. Mục đích chi ngân sách nhà nước cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo**

Kế thừa từ Điều 50 Luật KH&CN 2013

- Bổ sung một số nội dung và cụm từ đổi mới sáng tạo: Bổ sung mục đích chi phát triển nguồn nhân lực khoa học và công nghệ đổi mới sáng tạo (bao gồm

cả các chương trình học bổng nghiên cứu sinh, sau tiến sĩ)

- Bổ sung các mục chi có liên quan đến: hoạt động ĐMST; hoạt động đánh giá chương trình KH&CN, nhiệm vụ khoa học và công nghệ (bao gồm: đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, dự án ĐMST), tổ chức KH&CN, tổ chức thúc đẩy ĐMST; học bổng nghiên cứu sinh; bổ sung thêm quy định về lập dự toán cho các chương trình KH&CN; bổ sung mục chi liên quan đến bản quyền xuất bản, patent để hỗ trợ tổ chức/cá nhân dùng chung.

- Đối với dự án ĐMST, việc chi hỗ trợ thông qua hỗ trợ đào tạo, hỗ trợ thông tin, hỗ trợ đo kiểm định chất lượng, hỗ trợ phòng thử nghiệm để đo đạc các thông số, hoàn thiện sản phẩm.

- Quy định về kinh phí cho hoạt động quản lý KH,CN&ĐMST, kể cả kinh phí để chi cho các cơ quan quản lý KH,CN&ĐMST nói chung, quản lý chương trình KH&CN, nhiệm vụ khoa học và công nghệ nói riêng.

#### **Điều 45. Xây dựng kế hoạch, xây dựng dự toán và quản lý việc sử dụng ngân sách nhà nước cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo**

Kế thừa từ Điều 51 Luật KH&CN 2013 (bỏ khoản 4 Điều 51), chỉnh sửa theo hướng:

"1. Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan nhà nước khác ở trung ương và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng đề xuất dự toán chi ngân sách nhà nước cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo hằng năm, trung hạn theo quy định của pháp luật và gửi Bộ Khoa học và Công nghệ có ý kiến.

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính lập dự toán chi đầu tư phát triển khoa học và công nghệ, dự toán chi sự nghiệp khoa học và công nghệ ~~theo/trên cơ sở~~ để xuất dự toán/ý kiến của Bộ Khoa học và Công nghệ.

3. Cơ quan chuyên môn giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ xây dựng đề xuất dự toán chi ngân sách nhà nước cho khoa học và công nghệ hằng năm và đề nghị cơ quan chuyên môn giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý nhà nước về kế hoạch và đầu tư, tài chính tổng hợp, xây dựng dự toán chi đầu tư phát triển khoa học và công nghệ, dự toán chi sự nghiệp khoa học và công nghệ, bảo đảm chi đúng, chi đủ kinh phí đã được phân bổ.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp phê duyệt dự toán chi ngân sách nhà nước cho khoa học và công nghệ.”.

4. Cơ quan tài chính các cấp có trách nhiệm cấp phát kinh phí khoa học và công nghệ đầy đủ, kịp thời, phù hợp với tiến độ kế hoạch khoa học và công nghệ; đôn đốc, kiểm tra các ngành, các cấp nhằm bảo đảm sử dụng kinh phí khoa học và công nghệ đúng mục đích, hiệu quả.”

- Bổ sung quy định về phân cấp, phân quyền trong phê duyệt kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ gắn với trách nhiệm báo cáo, kiểm tra, thanh tra.

- Bổ sung quy định về trách nhiệm báo cáo của các bộ, ngành và địa phương về việc giao vốn đầu tư phát triển cho lĩnh vực KH&CN hằng năm và trong cả giai đoạn cũng như quy định trách nhiệm liên thông thông tin báo cáo tổng hợp giữa Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Khoa học và Công nghệ để chủ động phối hợp theo dõi, giám sát.

#### **Điều 46. Khoán chi**

Kế thừa từ Điều 52 Luật KHCN năm 2013

Sửa đổi quy định chỉ cho phép áp dụng khoán chi đến sản phẩm cuối cùng với nhiệm vụ có tính rủi ro không cao. Bổ sung quy định đối với phần kinh phí khoán thì mua sắm vật tư, nguyên vật liệu không phải đấu thầu (Nghị định số 24/2024/NĐ-CP)

#### **Điều 47. Cấp, sử dụng, quản lý kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước**

Kế thừa từ Điều 53 Luật KH&CN năm 2013:

"1. Việc cấp kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước phải kịp thời, phù hợp với tiến độ đặt hàng và phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ của cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ.

Bổ sung quy định về thời điểm lập dự toán NSNN về KH&CN trên cơ sở Danh mục nhiệm vụ KH&CN được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và dự kiến tổng mức kinh phí trần; bổ sung quy định việc lập dự toán tổng mức kinh phí dự kiến trong một giai đoạn cho Chương trình KH&CN cấp quốc gia, dự kiến kinh phí phân bổ trong một năm cho Chương trình KH&CN cấp quốc gia trên cơ sở danh mục nhiệm vụ KH&CN đưa vào xác định, tuyển chọn nhiệm vụ.

2. Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được cấp thông qua quỹ phát triển khoa học và công nghệ của Nhà nước, Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia hoặc chuyển vào tài khoản tiền gửi của cơ quan chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ tại Kho bạc Nhà nước. Kinh phí dự phòng cho nhiệm vụ KH&CN, dự án ĐMST đột xuất, cấp thiết.

3. Việc sử dụng kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được thực hiện theo ủy nhiệm chi của cơ quan chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ và quyết toán khi kết thúc hợp đồng, không phụ thuộc vào năm tài chính.

4. Nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước trong quá trình triển khai đã thực hiện các quy định, nội dung thuyết minh nhưng không đi đến kết quả theo đặt hàng thì không phải trả lại kinh phí đã sử dụng

5. Chính phủ quy định cụ thể Điều này."

- Bổ sung dự án ĐMST, sửa đổi, bổ sung khoản 1 tháo gỡ khó khăn vướng mắc về kinh phí sau khi có quyết định phê duyệt nhiệm vụ, bổ sung quy định việc lập dự toán tổng mức kinh phí dự kiến trong một giai đoạn cho Chương trình KH&CN cấp quốc gia, dự kiến kinh phí phân bổ trong một năm cho Chương trình KH&CN cấp quốc gia trên cơ sở danh mục nhiệm vụ KH&CN đưa vào xác định, tuyển chọn nhiệm vụ, bổ sung quy định về bố trí kinh phí dự phòng để kịp thời triển khai nhiệm vụ KH&CN, ĐMST trong tình huống đột xuất, cấp thiết

- Bổ sung cơ chế đặc thù, chấp nhận rủi ro trong nghiên cứu khoa học để hiện thực hóa các chủ trương về chấp nhận rủi ro, độ trễ trong nghiên cứu khoa học, quy định tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ không phải hoàn trả NSNN kinh phí đã sử dụng đúng quy định nếu tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm đề tài đã thực hiện đầy đủ các nội dung theo thuyết minh nghiên cứu và theo quy trình nghiên cứu mà không đi đến kết quả cuối cùng (không phân biệt đến từ khu vực công hay khu vực tư nhân).

- Bổ sung cơ chế đặc thù, chấp nhận rủi ro, thất bại trong nghiên cứu khoa học để hiện thực hóa các chủ trương về chấp nhận rủi ro, độ trễ trong nghiên cứu khoa học, quy định tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ không phải hoàn trả NSNN kinh phí đã sử dụng đúng quy định nếu tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm đề tài đã thực hiện đầy đủ các nội dung theo thuyết minh nghiên cứu và theo quy trình nghiên cứu mà không đi đến kết quả cuối cùng.

- Quy định đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ, Nhà nước xác định mức trần kinh phí của đề tài và tuyển chọn ý tưởng tốt nhất. Khi trúng tuyển, tổ chức chủ trì có thể huy động thêm kinh phí bên ngoài để triển khai nghiên cứu.

- Bổ sung quy định có thể cấp kinh phí dự phòng cho những nhiệm vụ KH&CN trong tình huống đột xuất, khẩn cấp liên quan tới an toàn, an ninh quốc gia; sức khỏe, tính mạng của người dân; các thảm họa thiên nhiên đe dọa môi trường sống của con người, các loài động, thực vật và hệ sinh thái.

#### **Điều 48. Đầu tư phát triển tiềm lực KH&CN**

#### **Điều 49. Cơ chế đầu tư đặc biệt thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt**

Kế thừa Điều 54 Luật KH&CN năm 2013 và bổ sung quy định như sau:

Các nhiệm vụ KH&CN đặc biệt (sử dụng nguồn vốn đầu tư phát triển và kinh phí chi thường xuyên từ nguồn sự nghiệp KH&CN) nhằm mục tiêu: Xây dựng nhóm NCM, hình thành các thiết chế mới về KH,CN&ĐMST như Trung tâm xuất sắc, Trung tâm ĐMST, phòng thí nghiệm trọng điểm nhằm tăng cường tiềm lực KH&CN quốc gia đặc biệt trong các lĩnh vực công nghệ mới; triển khai những nhiệm vụ quy mô lớn phục vụ quốc phòng, an ninh, những nhiệm vụ có tác động mạnh đến năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm QG.

Bổ sung quy định vai trò phối hợp của Bộ KH&ĐT, Bộ TC với Bộ KH&CN trong quá trình tổng hợp, xử lý, báo cáo cấp có thẩm quyền đối với kinh phí sự nghiệp KH&CN và kinh phí đầu tư phát triển.

#### **Điều 50. Huy động nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ và ĐMST**

Kế thừa quy định tại Điều 55

- Bổ sung nguyên tắc tổ chức, cá nhân nhận đầu tư, tài trợ kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN không sử dụng ngân sách nhà nước được chi tiêu theo định mức của nhà đầu tư, nhà tài trợ.

- Tổ chức, cá nhân nhận đầu tư, tài trợ kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN không sử dụng ngân sách nhà nước được chi tiêu theo định mức của nhà đầu tư, nhà tài trợ.

#### **Điều 51. Đầu tư của doanh nghiệp cho KH&CN và ĐMST**

Kế thừa quy định tại Điều 56, bổ sung cụm từ ĐMST (mở rộng phạm vi)

#### **Điều 52. Khuyến khích doanh nghiệp ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ**

Kế thừa quy định tại Điều 57, bổ sung cụm từ ĐMST (mở rộng phạm vi)

#### **Điều 53. Chính sách ưu đãi đối với hoạt động KH,CN&ĐMST**

Quy định ưu đãi về mua sắm công, đấu thầu ... (mục tiêu khuyến khích, thúc đẩy phát triển mạnh mẽ KHCN&ĐMST)

#### **Điều 54. Quy định về đấu thầu, quản lý sử dụng tài sản công đối với hoạt động KH,CN&ĐMST**

- Quy định chung nhằm phù hợp với đặc thù của hoạt động KH,CN&ĐMST
- Làm rõ nội hàm tài sản hình thành từ kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN là sáng chế, thiết kế bố trí, bí mật kinh doanh.

#### **Điều 55. Phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ**

Kế thừa quy định tại Điều 58

## **Điều 56. Các quỹ hỗ trợ, đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ và đổi mới sáng tạo**

Kế thừa quy định tại Điều 59:

"1. Nhà nước thành lập, khuyến khích tổ chức, cá nhân thành lập quỹ để huy động nguồn lực xã hội nhằm hỗ trợ, đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ và đổi mới sáng tạo.

2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được thành lập theo quy định của Luật này.

Quỹ đổi mới công nghệ, quỹ đầu tư mạo hiểm công nghệ cao được thành lập theo quy định của Luật Chuyển giao công nghệ, Luật Công nghệ cao.

3. Cơ chế, hình thức hỗ trợ, đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của quỹ được thực hiện theo điều lệ tổ chức và hoạt động của quỹ."

## **Điều 57. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia**

Kiến nghị đề xuất theo hai phương án:

- Phương án 1: Quỹ Phát triển KH&CN quốc gia là Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách nhưng vẫn được NSNN cấp kinh phí hoạt động hàng năm.

+ Phương án 2: Quỹ Phát triển KH&CN quốc gia là đơn vị sự nghiệp công lập. Kinh phí hoạt động của cơ quan quản lý Quỹ được NSNN đảm bảo. Dự toán kinh phí dành cho nhiệm vụ KH&CN mở mới hàng năm dựa trên kết quả số lượng nhiệm vụ KH&CN mở mới và trung bình kinh phí cho mỗi nhiệm vụ trong giai đoạn trước

Với Phương án 2, Quỹ sẽ có điểm khác biệt với đơn vị sự nghiệp công lập là kinh phí được cấp hàng năm không phải bảo đảm yêu cầu về quyết định phê duyệt như đối với các nhiệm vụ KH&CN khác. Bộ Khoa học và Công nghệ đề xuất lựa chọn **Phương án 2** để nâng cao hiệu quả hoạt động của Quỹ, góp phần vào việc nâng cao tiềm lực KH&CN quốc gia.

1. Chính phủ thành lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia nhằm mục đích tài trợ thực hiện nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng, nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp thiết, đột xuất có ý nghĩa quan trọng về khoa học và thực tiễn, nhiệm vụ khoa học và công nghệ tiềm năng; hỗ trợ hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ quốc gia đảm bảo hội nhập và phù hợp thông lệ quốc tế.

2. Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia được tổ chức theo mô hình cơ quan tài trợ nghiên cứu khoa học và công nghệ tiên tiến trên thế giới với ngân sách hoạt động bao gồm nguồn kinh phí được cấp ban đầu, kinh phí cấp bổ

sung hằng năm từ ngân sách nhà nước dành cho phát triển khoa học và công nghệ, kết quả hoạt động của Quỹ; khoản đóng góp tự nguyện, hiến, tặng của tổ chức, cá nhân và nguồn hợp pháp khác.

3. Chính phủ quy định Điều lệ tổ chức, hoạt động và chế độ quản lý tài chính của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia.

4. Bộ trưởng Bộ KH&CN quy định trình tự, thủ tục tài trợ, hỗ trợ quy định tại Khoản 1 Điều này

**Điều 58. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương**

Kế thừa quy định tại Điều 61. Đề xuất 02 phương án:

**Phương án 1:** bỏ quy định về quỹ do thời gian qua rất ít bộ, ngành, địa phương thành lập quỹ. Những quỹ đã thành lập thì tiếp tục xin dừng hoạt động do gặp khó khăn về biên chế, nhân sự có chuyên môn quản lý và nguồn kinh phí bố trí cho quỹ rất hạn chế dẫn đến quỹ hoạt động không hiệu quả.

**Phương án 2:** sửa đổi quy định theo hướng mở để các bộ, ngành, địa phương tùy tình hình thực tiễn có thể thành lập hoặc không thành lập quỹ phát triển KH&CN.

Bộ Khoa học và Công nghệ đề xuất lựa chọn **Phương án 2** để các bộ, ngành, địa phương có thể lựa chọn thành lập quỹ hoặc không phù hợp với yêu cầu và tình hình thực tiễn. Đối với các quỹ đã thành lập mà các bộ, ngành, địa phương không muốn duy trì hoạt động, tại Nghị định của Chính phủ sẽ quy định về việc giải thể quỹ.

**Điều 59. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của tổ chức, cá nhân**

Kế thừa quy định tại Điều 62

**Điều 60. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp**

Kế thừa quy định tại Điều 63

- Bỏ quy định mức tối thiểu trích lập quỹ của doanh nghiệp nhà nước, khuyến khích thành lập Quỹ của doanh nghiệp không phân biệt loại hình doanh nghiệp

- bổ sung hành lang cho các quỹ tài trợ, hỗ trợ khoa học và công nghệ ngoài ngân sách.

"1. Doanh nghiệp ngoài nhà nước được khuyến khích thành lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của mình hoặc đóng góp vào Quỹ phát triển khoa

học và công nghệ của ngành, địa phương và được hưởng quyền lợi theo quy định của Quỹ.

2. Doanh nghiệp nhà nước phải trích một tỷ lệ tối thiểu thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp để lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp.

Chính phủ quy định cụ thể tỷ lệ trích thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp để thành lập quỹ và cơ chế quản lý, sử dụng quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp nhà nước.

*(mức trích tối đa không quá 10% thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp, không quy định mức tối thiểu và không phân biệt doanh nghiệp nhà nước hay doanh nghiệp ngoài nhà nước)*

3. Doanh nghiệp có quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong việc quản lý, sử dụng quỹ đúng mục đích thành lập quỹ và thông báo việc thành lập quỹ cho cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ địa phương nơi đặt trụ sở chính của doanh nghiệp."

#### **Điều 61. Chính sách thuế đối với hoạt động khoa học và công nghệ và DMST**

Kế thừa quy định tại Điều 64 .

Các trường hợp sau đây được hưởng chính sách ưu đãi về thuế theo quy định của pháp luật về thuế:

1. Thu nhập từ việc thực hiện hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

2. Thu nhập từ sản phẩm làm ra từ công nghệ mới lần đầu áp dụng tại Việt Nam; sản phẩm đang trong thời kỳ sản xuất thử nghiệm.

3. Doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và một số hoạt động trong lĩnh vực công nghệ cao.

4. Dịch vụ khoa học và công nghệ.

5. Máy móc, thiết bị, phụ tùng, vật tư thuộc loại trong nước chưa sản xuất được cần nhập khẩu để sử dụng trực tiếp cho hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ.

6. Kinh phí tài trợ của tổ chức, cá nhân cho hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo; khoản tài trợ nhận được để sử dụng cho hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo.

7. Chuyển giao công nghệ thuộc lĩnh vực ưu tiên chuyển giao cho tổ chức, cá nhân thuộc địa bàn kinh tế - xã hội khó khăn, địa bàn kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

### 8. Các trường hợp khác được quy định tại các luật về thuế.

Làm rõ các ưu đãi đối với doanh nghiệp trong các Luật thuế hiện hành để quy định các nội dung cụ thể, khả thi, phù hợp với hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp, giúp doanh nghiệp được hưởng các chính sách thuế đã có trong pháp luật về thuế.

- Bổ sung quy định tiêu chí, điều kiện xác định công nghệ mới lần đầu áp dụng tại Việt Nam

- Bổ sung quy định Kinh phí tài trợ được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định thông qua hợp đồng tài trợ cho nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ

- Bổ sung quy định thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới, bao gồm: nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (theo Luật Thuế TNDN): Xác định dự án nghiên cứu phát triển của doanh nghiệp để hưởng các ưu đãi thuế:

- + Doanh nghiệp lập hồ sơ
- + Cơ quan quản lý thành lập hội đồng xem xét

### **Điều 62. Chính sách tín dụng đối với hoạt động khoa học và công nghệ**

Kế thừa quy định tại Điều 65.

- Bổ sung cụm từ ĐMST

## **Chương V**

### **HẠ TẦNG KH,CN&ĐMST**

### **Điều 63. Xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ phát triển KH,CN&ĐMST**

Kế thừa quy định tại Điều 66

- Bổ sung nội hàm hạ tầng kỹ thuật phục vụ phát triển KH,CN&ĐMST và cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển phù hợp với định hướng phát triển KH,CN&ĐMST

- Bổ sung quy định hỗ trợ hiệu quả cho doanh nghiệp khai thác, sử dụng hiệu quả hạ tầng kỹ thuật; tạo điều kiện thuận lợi cho học sinh, sinh viên, doanh nghiệp khởi nghiệp, doanh nghiệp khởi nguồn tiếp cận với cơ sở hỗ trợ khởi

nghiệp sáng tạo; tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức trung gian của thị trường công nghệ tăng cường kết nối cung cầu công nghệ.

- Bổ sung quy định sử dụng chung hạ tầng KH&CN, cho phép các tổ chức cá nhân có đê tài, nhiệm vụ nghiên cứu đăng ký sử dụng

#### **Điều 64. Xây dựng hạ tầng phục vụ phát triển công nghệ cao**

Nhà nước đầu tư, huy động nguồn lực xã hội để xây dựng hạ tầng phục vụ phát triển công nghệ cao.

### **Chương VI**

### **THÔNG TIN KH,CN&ĐMST**

#### **Điều 65. Cơ sở dữ liệu, hạ tầng thông tin**

Quy định về đầu tư cho hoàn thiện cơ sở dữ liệu, hạ tầng thông tin KHCN&ĐMST

- Bổ sung quy định hỗ trợ về hạ tầng kỹ thuật, nâng cao năng lực bộ máy và con người và kinh phí triển khai nội dung hoạt động cho các trung tâm hỗ trợ KNST.

- Bổ sung quy định về việc khuyến khích đầu tư, phát triển các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia, phòng thí nghiệm trọng điểm ngành, lĩnh vực, địa phương, phòng thí nghiệm của tổ chức, cá nhân nhằm nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ,...

- Có chính sách sử dụng chung hạ tầng KH&CN, cho phép các tổ chức cá nhân có đê tài, nhiệm vụ nghiên cứu đăng ký sử dụng để tránh lãng phí đầu tư, đồng thời tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân có nhiệm vụ KH&CN được tiếp cận với hạ tầng KH&CN trong nghiên cứu.

- Nghiên cứu xây dựng cơ sở dữ liệu mở để các nhà khoa học có thể cập nhật, chia sẻ thông tin, kết quả nghiên cứu.

#### **Điều 66. Thông kê KH,CN&ĐMST**

- Hoàn thiện quy định về thống kê KH&CN phục vụ hiệu quả cho hoạt nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và ĐMST

- Hoàn thiện các chỉ tiêu thống kê về KH,CN&ĐMST phù hợp với yêu cầu phát triển và thông lệ quốc tế.

#### **Điều 67. Phát triển tiềm lực thông tin KH,CN&ĐMST**

- Quy định về việc thúc đẩy đầu tư nâng cao tiềm lực thông tin KH,CN&ĐMST từ nguồn kinh phí ngoài NSNN

- Chuyển đổi số trong KH,CN&ĐMST

- Kiểm soát, xử lý thông tin sai lệch trong lĩnh vực KH,CN&ĐMST

Bổ sung vấn đề kiểm soát và xử lý thông tin sai lệch, thông tin giả mạo trong lĩnh vực KH,CN&ĐMST, nhất là trong thời kỳ bùng nổ trí tuệ nhân tạo (AI) như hiện nay.

## Chương VII

### TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

#### Mục 1: Đề tài KH&CN

##### **Điều 68. Đề tài KH&CN**

Kế thừa quy định tại Điều 25

- Quy định Đề tài KH&CN được thực hiện theo các hình thức: do Nhà nước đặt hàng (top-down) hoặc do Nhà nước tài trợ trên cơ sở lựa chọn đề xuất của tổ chức (bottom-up).

- Quy định về hình thành, triển khai các cụm đề tài, cụm dự án quy mô lớn, có tính liên kết giao cho một tổ chức chủ trì thực hiện trong nhiều năm, chia thành nhiều giai đoạn, được đánh giá theo từng giai đoạn với mục tiêu hình thành các sản phẩm chủ lực, các kết quả có tác động lớn đến phát triển kinh tế - xã hội.

##### **Điều 69. Đề xuất đề tài KH&CN**

Kế thừa quy định tại Điều 26

- Quy định, làm rõ nội dung đề xuất của hai phương thức: Đặt hàng và tài trợ.

- Quy định việc đặt hàng nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia, cấp bộ, cấp tỉnh phải gắn với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, chiến lược phát triển ngành, lĩnh vực, các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, dự án trọng điểm của ngành, vùng, địa phương; khuyến khích đề xuất liên quan đến vùng dân tộc thiểu số và miền núi

- Quy định phương thức tài trợ: căn cứ định hướng lĩnh vực trọng tâm của quốc gia, ngành, lĩnh vực, địa phương, tổ chức, cá nhân đề xuất ý tưởng nghiên cứu. Tổ chức có ý tưởng được lựa chọn sẽ xây dựng thuyết minh nhiệm vụ để cơ quan nhà nước xem xét, giao nhiệm vụ và được ưu tiên giao kết quả thực hiện nhiệm vụ để đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ và tiến hành thương mại hóa.

- Quy định định tại về triển khai nhiệm vụ trong tình thế cấp thiết, đột xuất, khẩn cấp như dịch bệnh nguy hiểm, thảm họa lớn, thiên tai và các tình huống khẩn

cấp khác và giao Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục rút gọn với loại hình nhiệm vụ KH&CN này

- Quy định tiêu chí phân loại nhiệm vụ do Nhà nước đặt hàng theo từng cấp độ gắn với mức trần kinh phí do Nhà nước đầu tư.

- Quy định giao cho Bộ trưởng Bộ KH&CN quy định trình tự, thủ tục nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia, Bộ ngành, địa phương quy định trình tự, thủ tục nhiệm vụ KH&CN thuộc phạm vi quản lý (cấp bộ, cấp tỉnh, cấp cơ sở)

#### **Điều 70. Thẩm quyền phê duyệt, ký hợp đồng thực hiện đề tài KH&CN**

Kế thừa quy định tại Điều 27

- Quy định Bộ Khoa học và Công nghệ tổng hợp, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt hoặc phê duyệt các Chương trình KH&CN quốc gia đối với một số Chương trình do Bộ Khoa học và Công nghệ quản lý. Đối với một số chương trình KH&CN quốc gia, sẽ giao cho bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ chủ trì triển khai và quản lý sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và có sự thống nhất của Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Bổ sung quy định các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, ký hợp đồng có quyền phân cấp, ủy quyền cho tổ chức trực thuộc ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ KH&CN do cấp mình quản lý.

#### **Điều 71. Phương thức giao đề tài KH&CN**

Kế thừa quy định tại Điều 28

- Quy định các phương thức của từng hình thức giao: hình thức đặt hàng và hình thức tài trợ do tổ chức đề xuất trên cơ sở định hướng lĩnh vực nghiên cứu ưu tiên của Nhà nước

#### **Điều 72. Tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện đề tài KH&CN**

Kế thừa quy định tại Điều 29 và Điều 30

- Bổ quy định giao nhiệm vụ KH&CN chỉ có một tổ chức KH&CN có đủ điều kiện về nhân lực, chuyên môn, trang thiết bị để thực hiện nhằm bảo đảm công bằng, công khai trong quá trình tuyển chọn nhiệm vụ KH&CN.

- Bổ sung quy định giao trực tiếp nhiệm vụ KH&CN trong trường hợp đột xuất, khẩn cấp, cấp thiết và áp dụng quy trình rút gọn đối với loại hình nhiệm vụ này để nhanh chóng đưa kết quả vào hoàn thiện, ứng dụng trên thực tiễn, góp phần bảo vệ tính mạng, sức khỏe nhân dân và giải quyết các vấn đề cấp thiết (thiên tai, bão lụt...).

- Bổ sung quy định giao trực tiếp cho các nhiệm vụ nghiên cứu phục vụ quản lý nhà nước.

- Quy định giao cho Bộ trưởng Bộ KH&CN quy định trình tự, thủ tục để tài KH&CN cấp quốc gia, Bộ ngành, địa phương quy định trình tự, thủ tục để tài KH&CN thuộc phạm vi quản lý (cấp bộ, cấp tỉnh, cấp cơ sở)

### **Điều 73. Đề tài KH&CN được quỹ trong lĩnh vực khoa học và công nghệ xét tài trợ**

Kế thừa quy định tại Điều 31

### **Điều 74. Đề tài KH&CN liên kết**

Quy định các đề tài KH&CN này thực hiện theo hình thức nhà nước tài trợ sau khi có đặt hàng và tài trợ của doanh nghiệp đối với các cá nhân/tổ chức (viện, trường, nghiên cứu).

## **Mục 2: Dự án ĐMST**

### **Điều 75. Dự án ĐMST**

Quy định chung về Dự án ĐMST

- Bao gồm các dự án bắt đầu từ khâu triển khai thực nghiệm cho đến khâu hoàn thiện công nghệ, ứng dụng để đưa ra sản xuất; (các công đoạn chủ yếu được thực hiện ở doanh nghiệp).

- Các nhiệm vụ ĐMST của một số chương trình hiện nay như: Chương trình đổi mới công nghệ, chương trình phát triển tài sản trí tuệ, chương trình năng suất chất lượng của doanh nghiệp, chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ, chương trình tìm kiếm chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam, đề án hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia, chương trình sản phẩm quốc gia, chương trình nông thôn miền núi,....

- Hình thành các chương trình hỗ trợ thương mại hóa kết quả KH&CN theo chuỗi: hỗ trợ các viện nghiên cứu, trường đại học sau khi kết thúc nhiệm vụ nghiên cứu chuyển sang giai đoạn chuẩn bị thương mại hóa kết quả KH&CN; hỗ trợ tiền khởi nghiệp và khởi nghiệp sáng tạo; hỗ trợ doanh nghiệp SMEs; hợp tác với các doanh nghiệp lớn; trong đó có cả các chính sách về ưu đãi thuế và phi thuế quan.

- Hỗ trợ từ ngân sách để triển khai các dự án ĐMST do doanh nghiệp thực hiện hoặc hợp tác với viện nghiên cứu, trường đại học thực hiện

- Cách thức triển khai: gồm nhiều hoạt động như tổ chức sự kiện; đào tạo, hỗ trợ nâng cao năng lực; hỗ trợ kết nối thông tin, thị trường; mua bản quyền. Nội dung của dự án ĐMST là để nâng cấp công nghệ, nâng cao khả năng hấp thụ công

nghệ, tăng cường chuyển giao và thương mại hóa công nghệ mới từ các trường đại học và các tổ chức nghiên cứu công,... qua đó trang bị cho doanh nghiệp năng lực sử dụng và/hoặc tạo ra công nghệ (đối tượng trung tâm là doanh nghiệp).

- Bổ sung quy định về hình thành, triển khai các cụm dự án quy mô lớn, có tính liên kết giao cho một tổ chức chủ trì thực hiện trong nhiều năm, chia thành nhiều giai đoạn, được đánh giá theo từng giai đoạn với mục tiêu hình thành các sản phẩm chủ lực, các kết quả có tác động lớn đến phát triển kinh tế - xã hội.

- Cách thức hỗ trợ: thông qua dự án hỗ trợ trực tiếp hoặc dự án vay; hỗ trợ lãi suất.

#### **Điều 76. Quản lý dự án ĐMST**

- Cách thức đề xuất, xét chọn dự án ĐMST (nhà nước xem xét, tài trợ trên cơ sở đề xuất của các tổ chức có nhu cầu).

- Quy trình quản lý: Kiểm tra, đánh giá, nghiệm thu dự án ĐMST
- Quy định về hợp đồng
- Quy định về thẩm quyền phê duyệt, ký hợp đồng
- Các nội dung quản lý khác

#### **Mục 3: Quy định về hợp đồng khoa học và công nghệ, đăng ký, lưu giữ và tiếp nhận tổ chức ứng dụng nhiệm vụ khoa học và công nghệ**

#### **Điều 77. Hợp đồng KH&CN**

Kết quả quy định tại Điều 33

- Quy định nội dung cơ bản của Hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (giao kết và thực hiện hợp đồng, nội dung của hợp đồng, thời hạn và thời điểm có hiệu lực của hợp đồng).

- Phân định hình thức của Hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (tài trợ, thuê, hợp tác)

- Quy định giao cho Bộ trưởng Bộ KH&CN quy định trình tự, thủ tục kiểm tra, đánh giá điều chỉnh đề tài KH&CN cấp quốc gia, Bộ ngành, địa phương quy định trình tự, thủ tục đề tài KH&CN thuộc phạm vi quản lý (cấp bộ, cấp tỉnh, cấp cơ sở)

#### **Điều 78. Quyền và nghĩa vụ của bên đặt hàng/tài trợ và bên nhận đặt hàng/tài trợ**

Kết quả quy định tại Điều 34 và 35.

**Điều 79. Giải quyết tranh chấp hợp đồng khoa học và công nghệ**

Kế thừa quy định tại Điều 36

**Điều 80. Kiểm tra, đánh giá, nghiệm thu đề tài KH&CN**

Kế thừa quy định tại Điều 37

- Bổ sung quy định về kiểm tra, đánh giá và điều chỉnh thực hiện đề tài KH&CN

- Quy định giao cho Bộ trưởng Bộ KH&CN quy định trình tự, thủ tục để tài KH&CN cấp quốc gia, Bộ ngành, địa phương quy định trình tự, thủ tục để tài KH&CN thuộc phạm vi quản lý (cấp bộ, cấp tỉnh, cấp cơ sở)

**Điều 81. Hội đồng khoa học và công nghệ chuyên ngành, tổ chức, chuyên gia tư vấn độc lập đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện đề tài KH&CN**

Kế thừa quy định tại Điều 38

**Điều 82. Đăng ký, lưu giữ kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ**

Kế thừa quy định tại Điều 39

**Điều 83. Trách nhiệm tiếp nhận và tổ chức ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ**

Kế thừa quy định tại Điều 40

- Hoàn thiện quy định về yêu cầu báo cáo việc ứng dụng kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo hướng các kết quả của nhiệm vụ nghiên cứu cơ bản không phải báo cáo ứng dụng do đặc thù của hoạt động nghiên cứu cơ bản là tạo ra tri thức và được công bố, công khai tại các tạp chí, bài báo

#### **Mục 4: Chương trình KH&CN**

**Điều 84. Chương trình KH&CN**

- Các quy định chung về Chương trình KH&CN: Nguyên tắc quản lý, khung, bộ máy quản lý

- Bổ sung quy định về cơ chế hình thành và gắn các chương trình KH&CN với các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, dự án trọng điểm của ngành, vùng, địa phương. Đối với địa phương, cần có các chương trình KH&CN đặc biệt khuyến khích phát triển sản xuất dựa trên kết quả nghiên cứu, ứng dụng chuyển giao công nghệ và tiến bộ kỹ thuật. Bộ Khoa học và Công nghệ triển khai các mô

hình ứng dụng công nghệ và tiến bộ kỹ thuật theo chuỗi sản xuất có quy mô, để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội mang tính bền vững tại vùng, địa phương. Đồng thời, giao Chính phủ ban hành quy định chi tiết về nội dung này.

#### **Điều 85. Quản lý Chương trình KH&CN**

- Hoàn thiện quy định về Chương trình KH&CN cấp quốc gia:

- + Quy trình quản lý: Đề xuất; hình thức đặt hàng; tài trợ; tuyển chọn, giao trực tiếp, xét lựa chọn để tài trợ; hợp đồng; kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh, nghiệm thu; xử lý

- + Quy định trách nhiệm, vai trò của Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ, ngành chủ trì Chương trình trong quản lý Chương trình KH&CN

- Phân cấp các chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia cho các bộ, ngành. Bộ KH&CN tập trung quản lý các chương trình nghiên cứu cơ bản, các vấn đề nghiên cứu mới. Bộ sung quy định về xây dựng, đề xuất, thẩm định, quản lý, đánh giá chương trình nghiên cứu và phát triển. Bộ KH&CN chịu trách nhiệm hướng dẫn, tiếp nhận, thẩm định, trình Thủ tướng phê duyệt các chương trình KH&CN cấp quốc gia; tiến hành đánh giá, thanh tra kiểm tra thực hiện.

- Giao cho bộ, ngành địa phương ban hành các quy định quản lý chương trình khoa học và công nghệ, đề tài nghiên cứu thuộc thẩm quyền.

- Dẫn chiếu, kết nối quy định đánh giá Chương trình đến Chương về đánh giá.

#### **Mục 5: Đánh giá Chương trình KH&CN**

##### **Điều 86. Các quy định chung về đánh giá chương trình**

- Quy định về mục đích đánh giá: xác định việc đạt được mục tiêu, xác định một chương trình có hiệu quả hay không và để làm căn cứ triển khai trong giai đoạn tiếp theo.

- Quy định về nguyên tắc đánh giá: công khai, khách quan, độc lập

- Quy định về phương pháp đánh giá: đánh giá mở đầu; đánh giá giữa kỳ; đánh giá cuối kỳ

- Quy định về tiêu chí đánh giá:

- Quy định về đối tượng chịu sự đánh giá: chương trình KH&CN

- Phương pháp, hình thức đánh giá: đánh giá thông qua tổ chức đánh giá độc lập, đánh giá bởi chuyên gia

Các chương trình KH&CN sử dụng NSNN phải được tự đánh giá hàng năm, giữa kỳ, cuối kỳ gửi về Bộ Khoa học và Công nghệ thông qua hệ thống phần mềm quản lý.

### **Điều 87. Tổ chức, chuyên gia đánh giá**

- Quy định tổ chức có tư cách pháp nhân, cá nhân đủ điều kiện thực hiện đánh giá được thực hiện đánh giá tổ chức khoa học và công nghệ theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

- Quy định chuyên gia đánh giá: cá nhân là chuyên gia am hiểu lĩnh vực đánh giá; Có kinh nghiệm đánh giá tổ chức khoa học và công nghệ; cam kết về sự khách quan, trung thực khi đánh giá; chịu trách nhiệm về kết quả đánh giá của mình.

- Quy định: tổ chức, cá nhân thực hiện đánh giá phải chịu trách nhiệm về kết quả đánh giá của mình.

### **Điều 88. Sử dụng kết quả đánh giá**

- Quy định sử dụng kết quả đánh giá để điều chỉnh Chương trình, tiếp tục triển khai hoặc kết thúc Chương trình

### **Điều 89. Kinh phí đánh giá**

Nguồn ngân sách nhà nước, nguồn vốn khác

### **Điều 90. Công bố, tiếp cận kết quả đánh giá**

Nguyên tắc, phạm vi, phương thức công bố kết quả,

### **Điều 91. Kiểm tra, giám sát, điều phối việc đánh giá khoa học và công nghệ**

- Bộ KH&CN quản lý và tổ chức thực hiện các chương trình KH&CN quốc gia trong các lĩnh vực KH&CN mới, tiên phong, liên ngành, xuyên ngành, liên vùng, có tầm ảnh hưởng lớn trong phạm vi quốc gia và quốc tế. Do vậy, Bộ KH&CN tổ chức đánh giá giữa kỳ và cuối kỳ đối với các chương trình này.

- Các Bộ chuyên ngành quản lý và tổ chức thực hiện các chương trình KH&CN quốc gia trong lĩnh vực, ngành do mình phụ trách. Các chương trình này cũng chịu sự đánh giá định kỳ (giữa kỳ và cuối kỳ) do Bộ KH&CN tổ chức thực hiện.

- Các chương trình KH&CN do địa phương quản lý và tổ chức thực hiện, chịu sự đánh giá định kỳ theo cơ chế do Bộ KH&CN hướng dẫn.

- Bộ KH&CN chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đánh giá hoạt động KH&CN, kiểm tra, giám sát và điều phối chung hoạt động này trong phạm vi cả nước.

## Chương VIII

### THÚC ĐẨY PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO TRONG DOANH NGHIỆP

#### **Điều 92. Chính sách, hoạt động thúc đẩy phát triển KH,CN&ĐMST trong doanh nghiệp**

- Hỗ trợ bảo hộ sở hữu trí tuệ; xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn cho sản phẩm mới, chính sách mua sắm công để tạo điều kiện thuận lợi cho sản phẩm có cơ hội thâm nhập vào thị trường và phát triển.

- Về chính sách ĐMST; Dịch vụ tư vấn kinh doanh (BAS), dịch vụ đổi mới công nghệ (TES), trung tâm công nghệ, và văn phòng chuyển giao công nghệ. Cụ thể, dịch vụ tư vấn kinh doanh tập trung nâng cao năng lực hấp thụ để áp dụng công nghệ, trong khi dịch vụ đổi mới công nghệ tập trung hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa ứng dụng công nghệ.

Cơ chế, chính sách phù hợp, vượt trội để hỗ trợ ĐMST, hệ thống ĐMST quốc gia và hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST quốc gia trong Luật KH&CN; chuyển sang tập trung nhiều hơn vào khuyến khích, đẩy mạnh huy động các nguồn lực, đặc biệt là nguồn lực từ doanh nghiệp tư nhân, xã hội để tổ chức tốt hơn các chiến lược, chính sách về ĐMST, đưa ý tưởng, kết quả nghiên cứu, quy trình mới, sản phẩm mới, mô hình tổ chức, kinh doanh mới vào thực tiễn.

- Xây dựng, hình thành các Chương trình thúc đẩy hoạt động ĐMST: hoạt động ứng dụng công nghệ và tiến bộ kỹ thuật; đổi mới công nghệ, sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chất lượng sản phẩm, hàng hóa...

- Quy định thúc đẩy hợp tác doanh nghiệp với viện trường:

- Lưu chuyển nhân lực trình độ cao từ các viện nghiên cứu, trường đại học sang doanh nghiệp; các chương trình thực tập đối với sinh viên năm cuối; đề tài nghiên cứu sinh thạc sĩ và tiến sĩ để giải quyết các vấn đề của doanh nghiệp;... Đào tạo, bồi dưỡng nhân lực quản trị công nghệ trong doanh nghiệp.

- Sáng kiến thúc đẩy hợp tác giữa viện nghiên cứu, trường đại học với doanh nghiệp trong thương mại hóa kết quả KH&CN và cung cấp dịch vụ KH&CN chất lượng cao.

- Hỗ trợ doanh nghiệp được sử dụng hạ tầng, cơ sở vật chất của ngành KH&CN (phòng thí nghiệm,...).

**Điều 93. Nhà nước hỗ trợ cho các doanh nghiệp thực hiện nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao, đổi mới, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo.**

- Hỗ trợ một phần hoặc toàn phần cho các doanh nghiệp thê được hiện các nội dung sau: phí chuyển giao, bản quyền, bản vẽ, sáng chế, phần mềm, máy móc thiết bị, trang thiết bị, sản xuất thử nghiệm, thông tin dữ liệu, nguyên, nhiên, vật liệu, vật mẫu và các nội dung khác được quy định tại các văn bản hiện hành.

- Hỗ trợ các doanh nghiệp thực hiện nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao, đổi mới, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo cho vùng nông thôn, miền núi, hải đảo, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn 3, Hỗ trợ, khuyến khích thông qua các hoạt động tôn vinh, trao giải, truyền thông cho doanh nghiệp và các nội dung khác được quy định tại các văn bản liên quan.

- Có chính sách ưu đãi hỗ trợ tài chính bao gồm chính sách thuế, tín dụng, chính sách công và các chính sách khác.

**Điều 94. Hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa**

- Nhiệm vụ thông tin, truyền thông về năng suất chất lượng.

- Tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng về năng suất, chất lượng.

- Tăng cường năng lực thử nghiệm chất lượng, an toàn và sinh thái của sản phẩm, hàng hóa xuất khẩu chủ lực và hoạt động hợp tác quốc tế về năng suất chất lượng.

**Điều 95. Hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ**

- Hỗ trợ đăng ký bảo hộ ở trong và ngoài nước đối với sáng chế, kiểu dáng công nghiệp và đăng ký bảo hộ, công nhận giống cây trồng mới.

- Hỗ trợ khai thác sáng chế hết thời hạn bảo hộ

- Biên soạn, phát hành tài liệu về sở hữu trí tuệ.

**Điều 96. Khuyến khích công nghệ trong các ngành, lĩnh vực ưu tiên**

Các lĩnh vực ưu tiên như: nông nghiệp, công nghệ chế biến, chế tạo, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới, công nghệ biển, công nghệ phòng tránh thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu, công nghệ năng lượng, công nghệ môi trường, công nghệ vũ trụ, công nghệ xây dựng giao thông và hạ tầng tiên tiến, thông minh, công nghệ thông tin và truyền thông - Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2023)

- Nhà nước khuyến khích và hỗ trợ nghiên cứu và ứng dụng khoa học và công nghệ trong..., phổ biến kiến thức khoa học và công nghệ trong..., đẩy nhanh quá trình chuyển đổi và ứng dụng thành tựu khoa học, công nghệ trong... vào sản xuất, thúc đẩy tiến bộ khoa học và công nghệ.....

- Ủy ban nhân dân các cấp khuyến khích, hướng dẫn các tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, cung cấp dịch vụ khoa học và công nghệ phục vụ phát triển các ngành, lĩnh vực ưu tiên.

#### **Điều 97. Hỗ trợ doanh nghiệp phát triển công nghệ nền, công nghệ lõi, sản phẩm chiến lược**

Nhà nước khuyến khích doanh nghiệp phát triển công nghệ nền, công nghệ lõi, sản phẩm chiến lược quốc gia.

### **Chương IX**

## **THÚC ĐẨY THƯƠNG MẠI HÓA KẾT QUẢ KH&CN VÀ PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG CÔNG NGHỆ**

#### **Điều 98. Quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ**

Kế thừa quy định tại Điều 41

- Hoàn thiện các quy định về chuyển giao kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ để tạo cơ hội, điều kiện cho tổ chức, cá nhân có đủ năng lực thương mại hóa, ứng dụng các kết quả này tạo ra giá trị gia tăng cho sản phẩm, hàng hóa

- Hoàn thiện quy định để giải quyết vướng mắc liên quan đến sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí và giống cây trồng là kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước trong trường hợp: Xử lý các đối tượng này trong trường hợp không được bảo hộ; chuyển giao quyền trong trường hợp chưa có kết quả bảo hộ để ứng dụng, thương mại hóa kết quả nghiên cứu

#### **Điều 99. Quyền tác giả đối với kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ**

Kế thừa quy định tại Điều 42 và hoàn thiện quy định để bảo đảm lợi ích của tác giả kết quả

#### **Điều 100. Phân chia lợi nhuận khi sử dụng, chuyển giao quyền sử dụng, chuyển nhượng, góp vốn bằng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước**

Kế thừa quy định tại Điều 43 và hoàn thiện quy định để bảo đảm lợi ích của các đối tượng.

**Điều 101. Công nhận các đề tài KH&CN không sử dụng NSNN**

Bổ sung quy định công nhận các đề tài KH&CN không sử dụng NSNN tương đương nhiệm vụ cấp quốc gia, cấp bộ, cấp tỉnh.

**Điều 102. Trách nhiệm triển khai ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ**

Kế thừa quy định tại Điều Điều 44.

- Hoàn thiện quy định triển khai ứng dụng phù hợp với từng phương thức đặt hàng, tài trợ của đề tài KH&CN.

- Giao quyền sử dụng kết quả thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ cho tổ chức chủ trì để phối hợp với doanh nghiệp hoàn thiện ý tưởng, thương mại hóa kết quả.

- Trường hợp tổ chức chủ trì hoặc cơ quan, đơn vị được giao ứng dụng kết quả (không phải là cơ quan đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ) thì cơ quan đặt hàng nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia, cấp bộ, cấp tỉnh có trách nhiệm kiểm tra, đánh giá và nghĩa vụ báo cáo về kết quả ứng dụng của tổ chức chủ trì.

**Điều 103. Khuyến khích ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ**

Kế thừa quy định tại Điều 45.

**Điều 104. Ứng dụng khoa học và công nghệ trong dự án đầu tư, chương trình phát triển kinh tế - xã hội**

Kế thừa quy định tại Điều 46.

**Điều 105. Thị trường công nghệ**

Bổ sung quy định chung, nguyên tắc liên quan đến thị trường công nghệ và các thành phần của thị trường công nghệ, liên kết giữa các đối tượng, thành phần của thị trường công nghệ.

**Điều 106. Thúc đẩy thị trường công nghệ**

- Bổ sung quy định nguyên tắc khuyến khích các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp tham gia vào thị trường công nghệ như tháo gỡ nội dung cho phép góp vốn bằng tài sản trí tuệ; bổ sung quy định khuyến khích việc liên kết với thị trường quốc tế, phục vụ thương mại hóa công nghệ trong nước và nâng cao hiệu quả việc tiếp thu, làm chủ công nghệ cao, công nghệ lõi, thân thiện môi trường từ các nước phát triển.

- Bổ sung quy định nâng cao năng lực của tổ chức trung gian, tổ chức thúc đẩy ĐMST liên quan đến thị trường KH&CN.

- Đầu tư, phát triển sàn giao dịch công nghệ, điểm kết nối cung - cầu công nghệ.

- Hoàn thiện cơ sở dữ liệu về chuyên gia, công nghệ, bản đồ công nghệ trong các ngành, lĩnh vực phục vụ hoạt động tìm hiểu, hoàn thiện, nâng cao trình độ công nghệ của doanh nghiệp.

## Chương X

### CHÍNH SÁCH VỀ PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG ĐỔI MỚI SÁNG TẠO QUỐC GIA

#### **Điều 107. Hệ thống ĐMST quốc gia, hệ thống ĐMST vùng, hệ thống ĐMST ngành**

- Quy định chung về hệ thống ĐMST quốc gia, hệ thống ĐMST vùng, hệ thống ĐMST ngành.

- Quy định về lực lượng chủ lực tham gia hệ thống ĐMST quốc gia, hệ thống ĐMST vùng, hệ thống ĐMST ngành.

- Quy định các hoạt động thúc đẩy hệ thống ĐMST

#### **Điều 108. Mạng lưới đổi mới sáng tạo xã hội (Social Innovation)**

Quy định chung về mạng lưới ĐMST xã hội

#### **Điều 109. Câu lạc bộ đổi mới sáng tạo**

Quy định chung về Câu lạc bộ đổi mới sáng tạo

#### **Điều 110. Lan tỏa, chia sẻ tri thức về ĐMST**

- Quy định các hoạt động lan tỏa, chia sẻ tri thức về ĐMST

Quy định chung về đổi mới sáng tạo mở/khoa học mở

#### **Điều 111. Đối tượng, thành phần của hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo**

- Bổ sung quy định xác định các đối tượng, thành phần của hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo và vai trò, mối liên kết của các đối tượng trong hệ sinh thái.

- Bổ sung quy định nguyên tắc khuyến khích các nguồn lực ngoài công lập tham gia, đóng góp vào sự phát triển của hệ sinh thái KNST

#### **Điều 112. Tổ chức hỗ trợ, thúc đẩy khởi nghiệp sáng tạo**

- Bổ sung quy định hỗ trợ về hạ tầng kỹ thuật, nâng cao năng lực bộ máy và con người và kinh phí triển khai nội dung hoạt động cho các trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo.

- Bổ sung cơ chế cho phép các trung tâm bảo lãnh tổ chức thực hiện thử nghiệm, thí điểm triển khai các giải pháp, dịch vụ, sản phẩm mới; Cơ chế cho phép trung tâm khai thác hạ tầng kỹ thuật, phòng thí nghiệm, trang thiết bị, không gian thử nghiệm sẵn có; sử dụng nguồn tài chính hợp pháp để thí điểm đầu tư, cùng đầu tư vốn mồi cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo tiềm năng, hoặc góp vốn vào các quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo.

#### **Điều 113. Hỗ trợ hoạt động khởi nghiệp sáng tạo công nghệ**

- Hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo công nghệ: hỗ trợ một phần kinh phí cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo công nghệ trả tiền công lao động trực tiếp và sử dụng các dịch vụ: đào tạo, huấn luyện khởi nghiệp; marketing, quảng bá sản phẩm, dịch vụ; khai thác thông tin công nghệ, sáng chế; thanh toán, tài chính; đánh giá, định giá kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ; tư vấn pháp lý, sở hữu trí tuệ, đầu tư, thành lập doanh nghiệp khoa học và công nghệ, thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ.

- Hỗ trợ một phần kinh phí cung cấp không gian số, dịch vụ hỗ trợ trực tuyến; sản xuất thử nghiệm, làm sản phẩm mẫu, hoàn thiện công nghệ.

- Hỗ trợ một phần kinh phí tham gia các khóa huấn luyện tập trung ngắn hạn tại một số tổ chức thúc đẩy kinh doanh uy tín ở nước ngoài.

- Kết nối, giới thiệu đối tác, hỗ trợ thủ tục thông qua các đại diện khoa học và công nghệ, đại diện thương mại Việt Nam ở nước ngoài để tiếp cận thị trường nước ngoài.

- Nội dung hỗ trợ đối với hoạt động của chuyên gia khởi nghiệp sáng tạo công nghệ: đào tạo, nâng cao năng lực cho khởi nghiệp sáng tạo công nghệ; tư vấn xây dựng chính sách, pháp luật hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo công nghệ. Tư vấn hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo công nghệ, bao gồm tư vấn về quản trị kinh doanh, truyền thông, phát triển mạng lưới, kết nối quan hệ quốc tế cho khởi nghiệp sáng tạo công nghệ.

- Tăng cường công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, đào tạo nguồn nhân lực, bồi dưỡng kiến thức và kỹ năng cần thiết cho khởi nghiệp sáng tạo công nghệ;

- Tổ chức ngày hội khởi nghiệp sáng tạo công nghệ trong phạm vi địa bàn, lĩnh vực quản lý; hỗ trợ doanh nghiệp, nhà đầu tư, huấn luyện viên, cố vấn, chuyên gia khởi nghiệp sáng tạo công nghệ tham gia sự kiện khởi nghiệp sáng tạo công nghệ trong nước, quốc tế; tổ chức khảo sát, học tập kinh nghiệm xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo công nghệ ở phạm vi quốc gia, quốc tế;

- Xây dựng cổng thông tin khởi nghiệp sáng tạo công nghệ quốc gia.

#### **Điều 114. Trách nhiệm quản lý nhà nước về các chỉ số GII, PII**

Bổ sung trách nhiệm cơ quan quản lý nhà nước (bộ, ngành, địa phương) liên quan đến theo dõi, hoàn thiện chỉ số thành phần GII, PII.

### **Chương XI**

#### **PHỐ BIÉN, LAN TỎA TRI THỨC KH&CN&ĐMST**

##### **Điều 115. Quy định chung về phổ biến tri thức**

- Nhà nước bố trí nguồn lực cho phổ biến các sáng kiến, chương trình truyền bá tri thức, kể cả tri thức hàn lâm và khoa học thường thức (đầu tư cho nâng cấp tạp chí khoa học đạt trình độ quốc tế, khuyến khích công bố trong nước; truyền thông đại chúng cho KH&CN; hỗ trợ tiếp cận và chia sẻ thông tin, kết quả nghiên cứu đối với các nhà khoa học không chuyên; xây dựng các bảo tàng khoa học và không gian sáng tạo trong các trường đại học; tôn vinh hoạt động nghiên cứu, sáng tạo; nâng cao nhận thức, thúc đẩy văn hóa đổi mới sáng tạo;...).

- Quy định việc phân bổ, tái cân đối nguồn lực hợp lý cho các chương trình thúc đẩy ứng dụng tri thức và công nghệ trong cuộc sống, truyền bá tri thức trong người dân và xã hội và quan trọng hơn, cần sử dụng nguồn lực ngoài ngân sách dành cho sự nghiệp KH&CN (ngân sách sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp giáo dục và đào tạo, hợp tác công tư để thu hút nguồn lực từ xã hội) chỉ cho các hoạt động ứng dụng và truyền bá tri thức

##### **Điều 116. Truyền thông KH&CN**

- Tạo cơ chế cho các dự án, chương trình, hướng đến mục tiêu lan tỏa tri thức phù hợp với từng nhóm đối tượng. Đa dạng hóa các phương thức truyền thông, phổ biến tri thức: giáo dục STEM, STEAM cho học sinh; tổ chức truyền thông các kết quả nghiên cứu của các tổ chức cá nhân, các dự án đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp, tổ chức các hội nghị, hội thảo; các ngày hội về truyền thông, phổ biến tri thức nhân ngày Khoa học và Công nghệ Việt Nam 18/5; quy định các viện nghiên cứu, trường đại học mở cửa phòng nghiên cứu, phòng thí nghiệm cho học sinh, sinh viên, doanh nghiệp tham quan và được hướng dẫn thực hiện hoạt động nghiên cứu; đầu tư nâng cao tiềm lực các tạp chí KH&CN để phổ biến, lan tỏa tri thức; xây dựng bảo tàng khoa học, công viên khoa học với không gian mở; xây dựng cơ sở dữ liệu mở để phổ biến, lan tỏa tri thức, nhất là các kết quả nghiên cứu có tính ứng dụng cao vào đời sống.

- Các ưu đãi cho chi phí truyền thông KH&CN của các tổ chức KH&CN, doanh nghiệp.

### **Điều 117. Đào tạo, phổ biến tri thức KH&CN**

Trách nhiệm xây dựng, ban hành và thực hiện các chương trình đào tạo, phổ biến khoa học thường thức cho các đối tượng

### **Điều 118. Khuyến khích hoạt động sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất và đổi mới sáng tạo**

1. Cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ các cấp phải có biện pháp thúc đẩy phong trào sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất và đổi mới sáng tạo.

2. Hàng năm, Bộ Khoa học và Công nghệ phối hợp với tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, doanh nghiệp tổ chức hội thi sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất, đẩy mạnh đổi mới sáng tạo; dành ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ để hỗ trợ các hoạt động này.

3. Doanh nghiệp dành kinh phí tổ chức thi sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất, đổi mới sáng tạo thì kinh phí chi cho hoạt động này được tính là đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của doanh nghiệp.

4. Nhà nước tài trợ, khuyến khích tổ chức, cá nhân tổ chức, tài trợ cho hoạt động sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất, đổi mới sáng tạo và tổ chức hội thi sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất, đổi mới sáng tạo.

### **Điều 119. Tạp chí KH&CN**

- Trách nhiệm phát triển, duy trì tạp chí KH&CN công lập.
- Cơ chế ưu đãi, hỗ trợ tạp chí KH&CN công lập và ngoài công lập

### **Điều 120. Tham quan kỹ thuật**

- Trách nhiệm xây dựng các chương trình tham quan kỹ thuật, đặc biệt là tại các bảo tàng khoa học, công viên công nghệ.

### **Điều 121. Khoa học mở**

- Nhà nước tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân tăng cường hợp tác chia sẻ thông tin, các kết quả nghiên cứu sử dụng ngân sách nhà nước.
- Nhà nước tạo điều kiện cho nhà khoa học, người dân tiếp cận các thông tin, tri thức dữ liệu mở, hệ thống xuất bản mở, hạ tầng khoa học mở, phần cứng mở, phần mềm mã nguồn mở, tính mở đối với đa dạng hóa kiến thức.

### **Điều 122. Khen thưởng, Giải thưởng về KH,CN&ĐMST**

- Duy trì giải thưởng về KH,CN&ĐMST với các công trình khoa học, nhà khoa học có giá trị cao về khoa học, bổ sung thêm nội hàm về ĐMST và đối tượng là doanh nghiệp

- Bổ sung các giải thưởng của nhà nước các cấp với những hoạt động nghiên cứu, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo của các đối tượng không chuyên như nhà khoa học độc lập.

- Bổ sung các giải thưởng khoa học của nhà nước cho người Việt ở nước ngoài.

- Nghiên cứu quy định về các giải thưởng KH,CN&ĐMST do các tổ chức ngoài công lập, doanh nghiệp tổ chức.

### **Điều 123. Giải thưởng Hồ Chí Minh, giải thưởng Nhà nước về KHCN**

- Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước về khoa học và công nghệ để tặng cho cá nhân là tác giả hoặc đồng tác giả của một hoặc nhiều công trình khoa học và công nghệ xuất sắc và được thực hiện theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng.

- Chính phủ quy định chi tiết việc đặt và tặng giải thưởng của tổ chức, cá nhân về khoa học và công nghệ.

### **Điều 124. Giải thưởng KHCN&ĐMST của Bộ, ngành, địa phương**

- Giải thưởng của bộ, ngành, địa phương về khoa học và công nghệ để tặng cho cá nhân là tác giả hoặc đồng tác giả của một hoặc nhiều công trình khoa học và công nghệ xuất sắc trong phạm vi quản lý của bộ, ngành, địa phương, được xét tặng không dưới 3 năm một lần nếu tiền thưởng lấy từ nguồn ngân sách nhà nước, công bố và trao giải thưởng vào dịp kỷ niệm Ngày Khoa học và Công nghệ Việt Nam (ngày 18 tháng 5).

- Bộ, ngành, địa phương căn cứ căn cứ điều kiện cụ thể để quyết định việc tổ chức giải thưởng về khoa học và công nghệ và quy định chi tiết trình tự, thủ tục xét tặng giải thưởng trong phạm vi quản lý.

### **Điều 125. Giải thưởng KHCN&ĐMST của tổ chức, cá nhân**

- Giải thưởng về khoa học và công nghệ do tổ chức, cá nhân trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức quốc tế, tổ chức, cá nhân nước ngoài đặt và tặng nhằm khuyến khích phát triển khoa học và công nghệ tại Việt Nam theo quy định của pháp luật.

## Chương XII

### **HỢP TÁC VÀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ VỀ KH,CN&ĐMST**

#### **Điều 126. Nguyên tắc hội nhập quốc tế về KH,CN&ĐMST**

Kế thừa quy định tại Điều 70

- Bổ sung các quy định liên quan đến vấn đề hội nhập quốc tế trong lĩnh vực ĐMST.

#### **Điều 127. Hoạt động hội nhập quốc tế về KH,CN&ĐMST**

Kế thừa quy định tại Điều 71

- Bổ sung các quy định liên quan đến vấn đề hội nhập quốc tế trong lĩnh vực ĐMST.

- Bổ sung quy định về việc bảo đảm nguồn lực cùng với cơ chế tài chính phù hợp và linh hoạt cho các hoạt động hội nhập quốc tế về KH,CN&ĐMST.

#### **Điều 128. Biện pháp thúc đẩy hội nhập quốc tế về KH,CN&ĐMST**

Kế thừa quy định tại Điều 72

- Bổ sung các quy định liên quan đến vấn đề hội nhập quốc tế trong lĩnh vực ĐMST.

- Khuyến khích cá nhân tham gia làm việc tại các tổ chức quốc tế trong lĩnh vực KH&CN..

## Chương XIII

### **TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC**

#### **VỀ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO**

##### **Điều 129. Trách nhiệm của Chính phủ**

1. Thông nhất quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong phạm vi cả nước và ban hành văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách cụ thể để bảo đảm phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo là quốc sách hàng đầu.

2. Chỉ đạo ban hành và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách, chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, quy hoạch mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

3. Phân công, phân cấp thực hiện chức năng quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

4. Chỉ đạo hoạt động hội nhập quốc tế về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.; phát triển nguồn nhân lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

5. Chỉ đạo công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; kiểm tra việc thực hiện pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

6. Chỉ đạo công tác kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Hàng năm, Chính phủ báo cáo Quốc hội về việc thực hiện chính sách, biện pháp để phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; việc sử dụng ngân sách nhà nước đầu tư cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; kết quả hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

#### **Điều 130. Trách nhiệm của Bộ Khoa học và Công nghệ**

Bộ Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong phạm vi cả nước, có trách nhiệm sau đây:

1. Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách, chiến lược, kế hoạch phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, quy hoạch mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ công lập;

2. Xây dựng và phê duyệt phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 05 năm và hàng năm;

3. Thông nhất quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo các cấp; hướng dẫn xây dựng và tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước các cấp, trực tiếp quản lý và tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia; xây dựng và tổ chức thực hiện nhiệm vụ trong chương trình, đề án khoa học và công nghệ đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

4. Quản lý, sử dụng hiệu quả ngân sách nhà nước đầu tư cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; xây dựng đề xuất cơ cấu, tỉ lệ chi ngân sách nhà nước cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo làm căn cứ cho việc giao dự toán ngân sách nhà nước hàng năm;

5. Thẩm định việc thành lập tổ chức khoa học và công nghệ, tổ chức thúc đẩy đổi mới sáng tạo công lập theo phân cấp của Chính phủ; cho phép thành lập tổ chức khoa học và công nghệ, tổ chức thúc đẩy đổi mới sáng tạo có vốn nước ngoài; đăng ký hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo thẩm quyền;

6. Xây dựng và quản lý hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; hệ thống thống kê khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và tiêu chí thống kê thống nhất trong cả nước; đẩy mạnh việc khai thác và sử dụng sáng chế; phát triển thị trường khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

7. Tổ chức quản lý công tác đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

8. Tuyên truyền, phổ biến và tổ chức hướng dẫn thực hiện pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

9. Hợp tác quốc tế về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

10. Thanh tra, kiểm tra hoặc phối hợp thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về khoa học và công nghệ; giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm pháp luật về khoa học và công nghệ theo thẩm quyền; căn cứ kết quả kiểm tra và hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước cho khoa học và công nghệ của các cơ quan và tổ chức để đề xuất điều chỉnh việc phân bổ kinh phí cho giai đoạn tiếp theo;

11. Thực hiện nhiệm vụ khác được Chính phủ ủy quyền hoặc phân công.

### **Điều 131. Trách nhiệm của bộ, cơ quan ngang bộ**

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm sau đây:

a) Lập và trình Chính phủ dự toán chi đầu tư phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo đề xuất của Bộ Khoa học và Công nghệ;

b) Phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ trong việc xét duyệt dự án đầu tư xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; đôn đốc, kiểm tra các ngành, các cấp nhằm bảo đảm sử dụng đúng mục đích và có hiệu quả kinh phí đầu tư phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

2. Bộ Tài chính có trách nhiệm sau đây:

a) Lập và trình Chính phủ dự toán chi sự nghiệp khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo đề xuất của Bộ Khoa học và Công nghệ về cơ cấu, tỷ lệ chi ngân sách nhà nước cho khoa học và công nghệ;

b) Cân đối và bố trí kinh phí đầy đủ, kịp thời theo dự toán kinh phí đã được phê duyệt;

c) Phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ đôn đốc, kiểm tra các ngành, các cấp nhằm bảo đảm sử dụng kinh phí sự nghiệp khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đúng mục đích và có hiệu quả.

**3. Bộ Nội vụ có trách nhiệm sau đây:**

- a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ xây dựng chính sách sử dụng, trọng dụng nhân lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;
- b) Chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ, cơ quan có liên quan giao biên chế cho tổ chức khoa học và công nghệ, tổ chức thúc đẩy đổi mới sáng tạo công lập.

**4. Bộ, cơ quan ngang bộ có trách nhiệm sau đây:**

- a) Thực hiện quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và chịu trách nhiệm về hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong ngành, lĩnh vực được phân công phụ trách; xác định, tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và quản lý, sử dụng có hiệu quả nguồn lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thuộc ngành, lĩnh vực được phân công phụ trách; có tổ chức chuyên trách quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;
- b) Phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ xây dựng, ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách, chiến lược, kế hoạch, biện pháp thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, đổi mới công nghệ; xây dựng và quản lý hệ thống cơ sở dữ liệu, thông tin, thống kê về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;
- c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ thông tin và số liệu thống kê khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về Bộ Khoa học và Công nghệ;
- d) Quản lý, sử dụng kinh phí đầu tư phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, kinh phí sự nghiệp khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đúng mục đích và có hiệu quả, phù hợp với đặc thù và tiến độ kế hoạch khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.
- d) Bổ sung trách nhiệm quản lý của bộ, ngành trong hoạt động quản lý công nghệ thuộc lĩnh vực, phạm vi quản lý của bộ, ngành

**Điều 132. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh**

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong phạm vi địa phương theo phân cấp của Chính phủ có trách nhiệm sau đây:

1. Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách, chiến lược, kế hoạch phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

2. Bảo đảm sử dụng ngân sách nhà nước cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và nguồn lực khác của xã hội chủ yếu cho ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo ở địa phương;

3. Tiếp nhận, tổ chức ứng dụng, đánh giá hiệu quả ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo do mình đề xuất đặt hàng hoặc đặt hàng sau khi được đánh giá, nghiệm thu và định kỳ hàng năm gửi báo cáo kết quả ứng dụng về Bộ Khoa học và Công nghệ;

4. Quản lý, sử dụng kinh phí đầu tư phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, kinh phí sự nghiệp khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đúng mục đích và có hiệu quả; bảo đảm cấp kinh phí đầy đủ, kịp thời, phù hợp với đặc thù và tiến độ kế hoạch khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo để thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của địa phương và của cả nước;

5. Xây dựng và quản lý hệ thống cơ sở dữ liệu, thông tin, thống kê về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; báo cáo đầy đủ, trung thực số liệu thống kê khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cho cơ quan quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có thẩm quyền;

6. Tuyên truyền, phổ biến và tổ chức hướng dẫn thực hiện pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

7. Thanh tra, kiểm tra hoặc phối hợp thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo thẩm quyền.

8. Bổ sung trách nhiệm quản lý của bộ, ngành trong hoạt động quản lý công nghệ thuộc lĩnh vực, phạm vi quản lý của bộ, ngành

#### **CHƯƠNG XIV. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

##### **Điều 133. Sửa đổi, bổ sung Điều 38 của Luật Chuyển giao công nghệ**

- Sửa đổi Điều 38 về Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia như sau:

1. Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia do Chính phủ thành lập nhằm mục đích tài trợ, cấp kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; cho vay ưu đãi với lãi suất thấp hoặc không lấy lãi, hỗ trợ lãi suất vay, bảo lãnh để vay vốn; đầu tư để thực hiện hoạt động ứng dụng, chuyển giao, đổi mới công nghệ, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo.

2. Tôn vinh, trao giải, truyền thông cho doanh nghiệp có hoạt động đổi mới công nghệ, đổi mới sáng tạo; hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thông qua các hoạt động hợp tác quốc tế.

3. Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia được hình thành từ nguồn vốn được cấp ban đầu và bổ sung hàng năm từ nguồn đầu tư công; cấp kinh phí sự nghiệp khoa học công nghệ để tài trợ thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ hằng năm; nguồn vốn kết dư từ Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp; kết quả hoạt động của quỹ; khoản đóng góp tự nguyện, hiến, tặng của tổ chức, cá nhân và nguồn hợp pháp khác.

4. Chính phủ quy định Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia.

#### **Điều 134. Sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Sở hữu trí tuệ như sau:**

##### **1. Bổ sung khoản 3a vào sau khoản 3 Điều 86a như sau:**

3a. Đối với sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí đang trong quá trình nộp đơn đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, đại diện chủ sở hữu nhà nước giao quyền sử dụng cho tổ chức chủ trì để khai thác cho đến khi có quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc cấp hoặc không cấp văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp.

Đối với trường hợp các đối tượng quy định tại khoản này không được cấp văn bằng bảo hộ, đại diện chủ sở hữu nhà nước giao quyền sử dụng cho tổ chức chủ trì để ứng dụng kết quả nghiên cứu.

##### **2. Bổ sung khoản 4a vào sau khoản 4 Điều 191b như sau:**

4a. Đối với giống cây trồng đang trong quá trình nộp đơn đăng ký bảo hộ, đại diện chủ sở hữu nhà nước giao quyền sử dụng cho tổ chức chủ trì để khai thác cho đến khi có quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc cấp hoặc không cấp văn bằng bảo hộ giống cây trồng.

Đối với trường hợp giống cây trồng quy định tại khoản này không được cấp văn bằng bảo hộ, đại diện chủ sở hữu nhà nước giao quyền sử dụng cho tổ chức chủ trì để ứng dụng kết quả nghiên cứu.

#### **Điều 135. Hiệu lực thi hành**

- Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày.....

- Luật Khoa học và công nghệ số 29/2013/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2013, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật Luật số 28/2018/QH14 ngày 15 tháng 6 năm 2018, Luật số 07/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội hết hiệu lực kể từ ngày Luật này có hiệu lực.

### **Điều 136. Quy định chuyển tiếp**

- Quy định nguyên tắc đối với nhiệm vụ KH&CN đã được tuyển chọn trước ngày Luật này có hiệu lực
- Quy định nguyên tắc đối với tổ chức KH&CN đã nộp hồ sơ đăng ký hoạt động KH&CN...
- Quy định nguyên tắc và lộ trình, thời gian chuyển đổi để tổ chức dịch vụ KH&CN đã được cấp giấy chứng nhận hoạt động khoa học và công nghệ thực hiện đăng ký doanh nghiệp

*Luật này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng .. năm .....*

**CHỦ TỊCH QUỐC HỘI**